

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 218 /CCT-TCNS

Cần Thơ, ngày 12 tháng 6 năm 2020

V/v công bố thông tin tổ chức Đại hội
đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông Công ty.

1. Tên công ty niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ.

2. Mã chứng khoán: CCT.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Điện thoại: (84.710)6 516463. **Fax:** (84.710)3 917395.

5. Nội dung của thông tin công bố: Công bố thông tin tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, gồm:

- Thời gian thực hiện: **08h00'** ngày 27 tháng 6 năm 2020.
- Địa điểm tổ chức: Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ).
- Tỷ lệ phân quyền: 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết.
- Nội dung Đại hội: Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Toàn bộ tài liệu phục vụ cho công tác tổ chức và biểu quyết tại đại hội được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://canthoport.com.vn> mục **Quan hệ cổ đông – Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Phương

NGHỊ QUYẾT
Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 12/BB-HĐQT ngày 11/6/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 như sau:

- Thời gian tổ chức: 08h00 ngày 27/6/2020.

- Địa chỉ: Số 02 KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: theo danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng 24/3/2020, theo Công văn số 337/2020-CCT/VSD-ĐK ngày 25/3/2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Tổ chức nhân sự Công ty thực hiện công bố thông tin về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 theo đúng quy định.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ và các Phòng chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Tiên Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Trụ sở chính: Số 02, Kv. Phú Thắng, P. Tân Phú, Q.Cái Răng, TP. Cần Thơ.
Điện thoại: 0292 6516483 Fax: 0292 3917395
Website: www.canthoport.com.vn Email: canthoport.info@gmail.com.

THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ với chi tiết như sau:

1. Thời gian: **08h00 - 12h00, ngày 27/6/2020.**
2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, số 02 khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
3. Nội dung: Thảo luận và thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông:
 - Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020;
 - Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng năm 2020;
 - Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025;
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và định hướng năm 2020;
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025;
 - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019, phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2020;
 - Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;
 - Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;
 - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025;
 - Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.
4. Để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được chu đáo, rất mong quý cổ đông đăng ký tham dự cho Công ty. Thời gian đăng ký trước 16h00 ngày 25/6/2020.

5. Cổ đông đăng ký tham dự hay ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông vui lòng đăng ký qua điện thoại hoặc email tại:

- **Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ**

- Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Tp. Cần Thơ.

- Điện thoại: 0292 6516483

- Email: canthoport.info@gmail.com.

6. Hồ sơ đăng ký ủy quyền cho người khác tham dự bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự, bản sao giấy Chứng minh nhân dân (CMND)/Thẻ căn cước công dân (CCCD) hoặc hộ chiếu của cổ đông.

7. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng tải trên website của Cảng Cần Thơ tại địa chỉ www.canthoport.com.vn kể từ ngày **12/6/2020**.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tham dự đại hội vui lòng mang theo CMND/CCCD hoặc hộ chiếu và **mang theo thư mời này** để việc kiểm tra tư cách đại biểu tham dự được thực hiện nhanh chóng.

Cần Thơ, ngày 12 tháng 6 năm 2020

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÂM TIẾN DŨNG

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

STT	Nội dung	Số tờ trình/Báo cáo
1	Chương trình đại hội	
2	Quy chế tổ chức đại hội	
3	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020	01/BC-ĐHĐCĐ
4	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng năm 2020	02/BC-ĐHĐCĐ
5	Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025	03/BC-ĐHĐCĐ
6	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và định hướng năm 2020	04/BC-ĐHĐCĐ
7	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025	05/BC-ĐHĐCĐ
8	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	06/TTr-ĐHĐCĐ
9	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020	07/TTr-ĐHĐCĐ
10	Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2020	08/TTr-ĐHĐCĐ
11	Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	09/TTr-ĐHĐCĐ
12	Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	10/TTr-ĐHĐCĐ
13	Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025	11/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức Đại hội, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Tính hiệu lực

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

**CHƯƠNG II
ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt danh sách.

**CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 6. Quy định về ủy quyền

6.1 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a.- Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có:

Khi bên được ủy quyền là cá nhân: Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông ủy quyền và cá nhân được ủy quyền;

Khi bên được ủy quyền là tổ chức: Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông ủy quyền và chữ ký của người đại diện hợp pháp, đóng dấu của tổ chức được ủy quyền.

b.- Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có:

Khi bên được ủy quyền là cá nhân: Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện hợp pháp theo quy định nội bộ của cổ đông là tổ chức ủy quyền, đóng dấu của cổ đông tổ chức đó và chữ ký của cá nhân được ủy quyền;

Khi bên được ủy quyền là tổ chức: Văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện hợp pháp theo quy định nội bộ của cổ đông là tổ chức ủy quyền, đóng dấu của cổ đông tổ chức đó và chữ ký của người đại diện theo pháp luật/người đại diện hợp pháp theo quy định nội bộ của tổ chức được ủy quyền, đóng dấu của tổ chức được ủy quyền.

c.- Trường hợp người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền không thể trực tiếp tham dự Đại hội thì có thể cử nhân viên tham dự trực tiếp. Việc cử nhân viên tham dự phải lập thành văn bản có chữ ký, đóng dấu của tổ chức được ủy quyền.

6.2 Các trường hợp Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của công ty sẽ do Chủ tọa Đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

6.3 Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

6.4 Cổ đông và bên được ủy quyền tự chịu trách nhiệm về quyền hạn, nghĩa vụ của mỗi bên và giá trị pháp lý của văn bản ủy quyền, giấy giới thiệu người tham dự Đại hội đồng cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ khiếu kiện, khiếu nại nào liên quan đến việc ủy quyền của cổ đông.

6.5 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền và giấy giới thiệu (nếu có) trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

7.1 Quyền của các cổ đông tham dự Đại hội

Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty; Công ty sẽ có một bộ phận chuyên trách dịch các nội dung thảo luận tại cuộc họp sang tiếng Anh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.

Khi tham dự trực tiếp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều nhận được các phiếu biểu quyết có ghi số cổ phần tương ứng với số phiếu bầu của mình đối với các vấn đề thảo luận tại cuộc họp;

Được thảo luận và biểu quyết trực tiếp tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo;

Cò đông đến Đại hội đồng cò đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cò đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

7.2 Nghĩa vụ của các cò đông khi tham dự Đại hội

Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

Khi cò đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

+ Thư mời tham dự Đại hội (nếu có).

+ Giấy chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

+ Giấy giới thiệu (trường hợp tổ chức được ủy quyền cử tham dự Đại hội).

Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cò đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Phát biểu trực tiếp dưới sự điều hành của Chủ tọa cuộc họp và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức, và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;

Việc ghi âm, ghi hình tại Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội.

Tự túc về các chi phí để tham dự Đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi...).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

8.1 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội;

Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cò đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cò đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;

Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cò đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội;

Chủ tọa chỉ định Ban thư ký Đại hội;

Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp.

- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

8.2 Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội

Ban thư ký có chức năng lập Biên bản Đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu bao gồm 01 trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và tổ chức kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội; giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa Đại hội.

Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải làm trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

CHƯƠNG IV TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020;

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng năm 2020;

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025;

Nội dung 4: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và định hướng năm 2020;

Nội dung 5: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025;

Nội dung 6: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019, phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020;

Nội dung 7: Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2020;

Nội dung 8: Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020;

Nội dung 9: Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;

Nội dung 10: Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025;

Nội dung 11: Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thế thức biểu quyết thông qua các quyết định tại Đại hội

Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội tùy trường hợp sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

11.1 Nguyên tắc biểu quyết:

(i) Tất cả các vấn đề trong chương trình Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

(ii) Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông/đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

(iii) Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ, Đoàn Chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 02 lần theo trình tự như sau:

+ Lần thứ nhất: Biểu quyết tán thành;

+ Lần thứ hai: Biểu quyết không tán thành.

Mỗi cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (***tán thành hoặc không tán thành***) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

(iv) Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại ĐHĐCĐ thực hiện theo hình thức tính bằng số phiếu biểu quyết. Một (01) cổ phần được quyền biểu quyết khi tham gia biểu quyết được tính bằng một (01) phiếu biểu quyết.

11.2 Cách biểu quyết:

(i) Khi biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội, các cổ đông/đại diện cổ đông tán thành thì giơ Phiếu biểu quyết lên, mặt trước của phiếu hướng về phía Chủ tọa Đại hội.

(ii) Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông/đại diện cổ đông không tán thành thì giơ Phiếu biểu quyết lên, mặt trước của phiếu hướng về phía Chủ tọa Đại hội.

(iii) Theo từng lần biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu biểu quyết sẽ kiểm đếm tại chỗ số lượng phiếu biểu quyết tương tự của từng cổ đông.

(iv) Sau mỗi lần biểu quyết xong, Chủ tọa Đại hội sẽ thông báo kết quả số lượng hoặc tỷ lệ biểu quyết do Ban kiểm phiếu cung cấp. Mọi khiếu nại, thắc mắc về việc liên quan đến biểu quyết sẽ được giải quyết ngay tại Đại hội.

Điều 12. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có quyền tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội và khi phát biểu ý kiến phải giơ Phiếu biểu quyết và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội. cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với đoàn Chủ tịch qua Thư ký' Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu và Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của cổ đông nếu thấy cần thiết. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội và không được đề xuất các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 13. Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp;

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp thực hiện biểu quyết đề đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến đối với những vấn đề phải thông qua trong Đại hội theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Trong nội dung phiếu biểu quyết không đánh dấu vào nội dung nào coi như không có ý kiến.

CHƯƠNG V

KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 14. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Thư ký Đại hội lập thành biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Điều 15. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài kinh tế xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 16. Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thành

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự kiến khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

Điều 17. Một số quy định khác

Sau cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết thực hiện tốt phương án sản xuất kinh doanh cùng các vấn đề được thông qua tại Đại hội và tuyên bố bế mạc Đại hội.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy chế này bao gồm 7 chương, 18 điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/06/2020.

Trên đây là toàn bộ Quy chế tổ chức Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(ĐÃ KÝ)

LÂM TIẾN DŨNG

Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2020

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Thời gian: 08h00 ngày 27 tháng 6 năm 2020

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
08h00-08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu họp cho cổ đông	
08h30-08h50	* Thủ tục khai mạc - Chào cờ, khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và cổ đông - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - Biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch - Giới thiệu Ban thư ký - Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu - Chủ tọa giới thiệu, đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội	
08h50-11h30	* Nội dung đại hội 1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020; 2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng năm 2020; 3. Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025; 4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và định hướng năm 2020; 5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025; 6. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019, phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; 7. Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm	

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
	2020; 8. Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020; 9. Tờ trình thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và toàn văn Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; 10. Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025; 11. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. - Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận và xin ý kiến biểu quyết của Cổ đông về các nội dung được trình bày tại Đại hội. Nghị giải lao Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội Phát biểu của đại biểu (nếu có) Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	
11h30- 11h40	* Bế mạc đại hội	

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

**PHẦN I
BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019**

I.- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.- Thuận lợi

- Cảng Cần Thơ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Thành Phố Cần Thơ, sự hỗ trợ kịp thời của các Sở ban ngành Thành phố Cần Thơ và các Ban nghiệp vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Cảng Cần Thơ luôn được sự ủng hộ của nhiều khách hàng truyền thống, sự đoàn kết của Ban lãnh đạo cũng như sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự thống nhất đồng thuận của các tổ chức đoàn thể chính trị trong việc triển khai nhiệm vụ hoạt động và đạt được mục tiêu đề ra.

- Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam khá tốt và lượng hàng hóa ổn định ở những mặt hàng container, clinker/ xi sắt, phân bón, vật liệu xây dựng... góp phần giúp cho cảng có được sản lượng và doanh thu tốt trong năm 2019.

- Cảng Sóc Trăng được Cảng Cần Thơ đưa vào khai thác từ tháng 4/2018 đã tạo điều kiện thuận lợi góp một phần trong chuỗi cung ứng dịch vụ logistics của Cảng Cần Thơ bằng đường thủy nội địa tại khu vực các tỉnh Nam Sông Hậu.

2.- Khó khăn

- Luồng hàng hải vào cảng qua cửa Định An và Kênh Quan Chánh Bó vẫn chưa thật sự thông thoáng cho các tàu trọng tải lớn vào cảng. Cảng chỉ khai thác các tàu nhỏ dưới 5.000 tấn và phương tiện thủy nội địa.

- Tình hình kinh tế trong khu vực vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng như lượng hàng hóa lưu thông qua Cảng. Nhất là thị trường hàng hóa xuất sang Trung quốc bị thu hẹp đặc biệt mặt hàng gạo, bên cạnh sự chia sẻ thị phần ở hai mặt hàng container và Clinker do trên địa bàn hình thành các cảng mới, tạo ra áp lực cạnh tranh ngày càng lớn.

- Sự cạnh tranh ngày càng lớn của các cảng lân cận trong khu vực và các bến thủy nội địa tư nhân có giá dịch vụ thấp dẫn đến cạnh tranh thiếu bình đẳng. Trong năm tiếp tục hình thành nên các bến xếp dỡ nội địa mới cạnh tranh với các cảng biển trong vùng khai thác nên mức độ cạnh tranh ngày càng cao.

- Hệ thống trang thiết bị bốc xếp của cảng nhìn chung còn lạc hậu, năng suất thấp ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác làm tăng chi phí thuê ngoài đồng thời tác động đến việc cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực.

- Thủ tục hải quan tại Cần Thơ thiếu tính linh hoạt so với các tỉnh bạn do đó chưa thu hút được các nhà đầu tư đến tham gia xuất nhập hàng hóa.

- Các khu công nghiệp trong khu vực là những chân hàng chính yếu của cảng vẫn chưa hấp dẫn nhà đầu tư đến tham gia.

- Ngân hàng đưa doanh nghiệp vào nhóm nợ xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến việc huy động nguồn vốn để sản xuất kinh doanh, đầu tư và tham gia đấu thầu do quá trình tái cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II tại ngân hàng Vietinbank kéo dài.

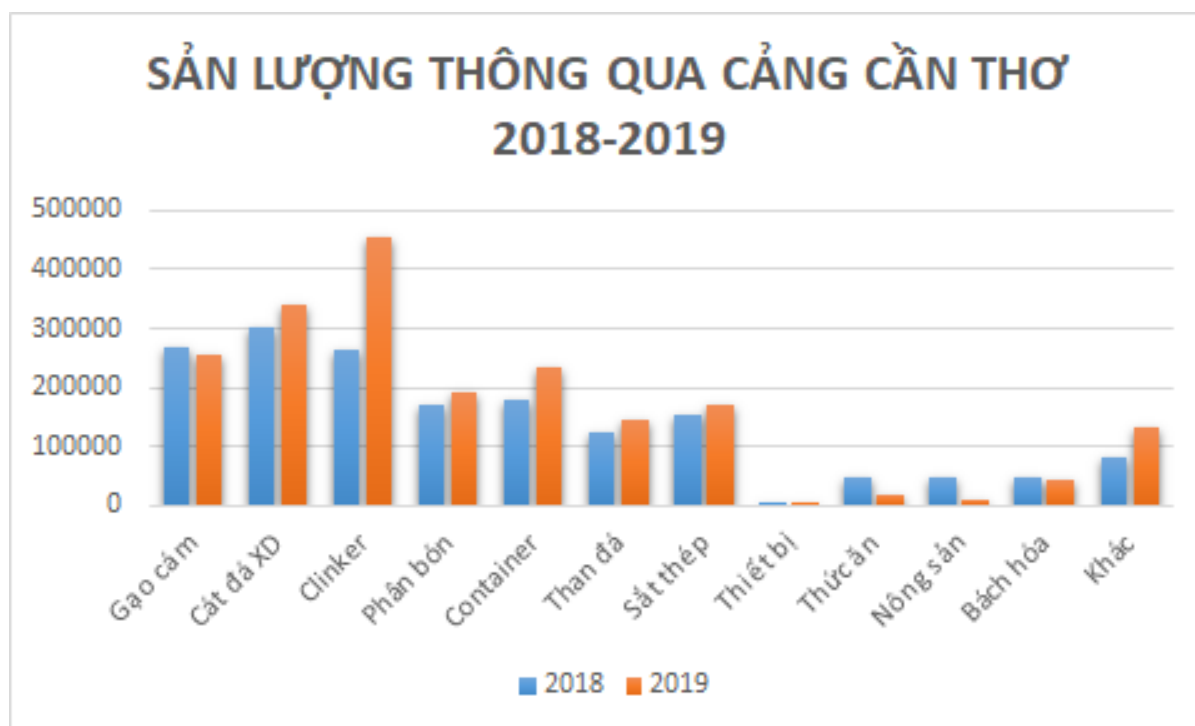
II.- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

1.- Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:

S T T	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.hiện 2018	NĂM 2019			+/- TH 2019/2018	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG							
1	Hàng thông qua	TTQ	1.692.340	2.076.354	2.011.706	96,89%	319,366	18,87%
	Trong đó Container	Nghìn TEUS	12,79	15,15	16,77	110,69%	3,98	31,10%
2	Xăng dầu	Lít	1.043.211	1.010.000	983,965	103,29%	-59,246	-5,68%
B	TÀI CHÍNH							
1	Doanh thu	Tr đồng	98.973	119.000	125.023	105,06%	26,050	26,32%
2	Chi phí	“	105.850	114.000	121.076	106,21%	15.226	14,39%
3	Lợi nhuận	“	-6.876	5.000	3.947	78,94%		
4	Ebitda	“		31.671	20.038	63,23%		
C	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	Tr đồng	13.133	15.900	9.400	59,12%	-3.733	-28,42%
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	“	6.139	7.300	1.800	24,66%	-4.339	-70,68%
2	Đầu tư phương tiện, thiết bị	“	6.994	8.600	7.600	88,37%	606	8,66%

2. Tình hình thị trường hàng hóa thông qua cảng:

2.1.- Tình hình hàng hóa thông qua cảng:



Bảng sản lượng tổng hợp theo từng mặt hàng chủ lực

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ năm 2019 có sự tăng trưởng so với năm 2018 (tăng 18,87%) trong bối cảnh doanh nghiệp gặp cạnh tranh mạnh về thị trường và sự thay đổi sản lượng thông qua từ nhóm khách hàng chủ lực của cảng. Sản lượng hàng hóa thông qua các bến cảng biển trực thuộc Công ty đều có sự tăng trưởng tốt, nhất là tại bến Cảng Cái Cui. Thị trường sản lượng tại Vàm Cái Sắn tiếp tục gặp nhiều khó khăn đối với mặt hàng gạo, clinker; tuy nhiên, mặt hàng gỗ lóng nhập khẩu đã phát triển trở lại với sản lượng khá ổn định đã bù đắp được sản lượng thiếu hụt do yếu tố thị trường và cạnh tranh. Sản lượng hàng hóa thông qua bến Cảng Sóc Trăng tiếp tục tăng trưởng tốt so với năm 2018.

Cơ cấu hàng hóa thông qua các bến cảng hầu hết đều có sự tăng trưởng tốt, nhất là các mặt hàng chủ lực; biến động trong cơ cấu mặt hàng là tương đối cao do nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Nhiều mặt hàng chủ lực của cảng có sự tăng trưởng tốt như container, clinker, phân bón, than đá và sắt thép; tuy nhiên, một số mặt hàng có sự suy giảm mạnh như hàng nông sản (tại Vàm Cái Sắn), thức ăn gia súc (tại Cảng Hoàng Diệu) và vật liệu xây dựng (tại Cảng Cái Cui) do các yếu tố thị trường (hàng hóa suy giảm, khách hàng di dời kho) và môi trường. Đứng trước biến động lớn của hàng hóa thông qua cảng, Cảng Cần Thơ đã nỗ lực tiếp thị, duy trì thị phần đối với các mặt hàng truyền thống của cảng; đeo bám và phát triển các mặt hàng có giá trị dịch vụ cao như hàng phân bón, sắt thép, container; đồng thời, phát triển các cung cấp các dịch vụ chuỗi logistics đến

khách hàng để tạo nguồn doanh thu mới, bù đắp sự thiếu hụt doanh thu từ sản lượng suy giảm; đồng thời, rà soát tiết giảm các mặt hàng có sản lượng thông qua thấp nhưng sử dụng cơ sở hạ tầng kho, bãi nhiều. Cụ thể như sau:

a) Một số mặt hàng biến động sản lượng do yếu tố thị trường như:

- Mặt hàng thức ăn gia súc tại Cảng Hoàng Diệu cũng suy giảm mạnh do khách hàng đã chuyển hình thức nhập hàng về trực tiếp kho doanh nghiệp để tiết giảm chi phí và trả kho tại cảng. Đây cũng là mặt hàng Cảng Cần Thơ đang điều tiết giảm để thu hồi hạ tầng phục vụ các mặt hàng có giá trị cao hơn như phân bón, kính.

- Mặt hàng thiết bị tiếp tục đã suy giảm nhẹ do các dự án nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu và Nhà máy Nhiệt điện Long Phú bị kéo dài tiến độ; đồng thời, các dự án khác như các dự án điện gió tiếp tục giãn tiến độ triển khai dự án sang năm 2020;

- Mặt hàng vật liệu xây dựng tại Cảng Cái Cui tiếp tục đã sản lượng thấp do các doanh nghiệp trạm trộn bê tông đang thực hiện di dời do không cải tạo được hệ thống đáp ứng yêu cầu môi trường. Ngoài ra, sản lượng vật liệu xây dựng tại Cảng Sóc Trăng tuy có sản lượng tốt vào các tháng đầu năm nhưng đã suy giảm mạnh vào nửa cuối năm 2019.

- Mặt hàng gạo tiêu ngạch có suy giảm nhẹ do thị trường Trung Quốc vẫn duy trì chính sách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc sản phẩm; thị trường xuất gạo đã chuyển từ xuất tiêu ngạch sang xuất chính ngạch; nên lượng hàng hóa xuất bằng tàu suy giảm mạnh, có ít tàu xuất trực tiếp, chủ yếu là hàng xuất bằng container (đây là các hình thức Cảng Cần Thơ chưa có thể mạnh do chưa có bến cứng và dịch vụ hải quan còn chưa linh động).

b) Các mặt hàng giảm do chia sẻ thị phần

- Mặt hàng clinker tại Vàm Cái Sắn có sự suy giảm nhẹ do cạnh tranh từ Cảng Bảo Mai và yêu cầu cao của khách hàng về giá dịch vụ.

c) Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

- Mặt hàng clinker và xỉ sắt tại Cảng Cái Cui phục vụ khách hàng Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang đã phát triển trở lại duy trì sản lượng cao hàng tháng; đồng thời sản lượng clinker tại khu vực bến Tây Đô cũng tăng trưởng tốt sau khi khách hàng mở rộng quy mô sản xuất. Đây là mặt hàng có tỉ trọng tăng trưởng cao nhất tăng trưởng 191.010 tấn (tương đương tăng trưởng 72,58%) so với năm 2018.

- Mặt hàng container tại các bến cảng đều có sự tăng trưởng tốt, cho thấy xu hướng khách hàng chuyển sang sử dụng mặt hàng này trong vận chuyển hàng hóa, nhất là hướng hàng nội địa và xuất khẩu. Tại bến Cảng Cái Cui có sự tăng trưởng hàng container tốt nhất (tăng 2.227 TEU tương đương 21,57% so với năm 2018) do sự tập trung nhóm khách hàng gạch nhập hàng bằng container. Trong kỳ, hầu hết khách hàng gạch đều có sự tăng trưởng sản lượng, ngoài ra, có thêm khách hàng mới với mặt hàng này là khách hàng Viglacera. Tại Cảng Sóc Trăng tiếp tục phát triển tốt chuỗi container rơ mo qua Cảng Sóc Trăng đi Nghệ An (tăng trưởng 622 TEU tương đương 661,7% so với năm 2018).

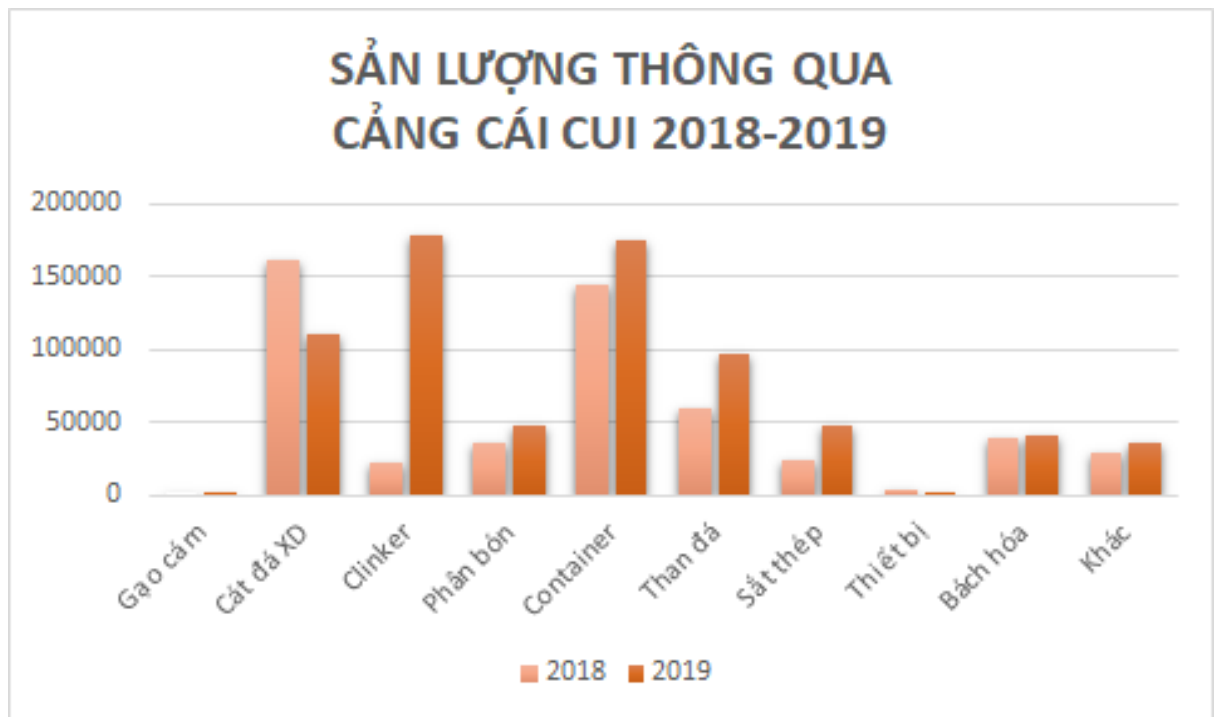
- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt trong năm 2018, sang năm 2019 sản lượng mặt hàng phân bón tiếp tục có sự tăng trưởng tốt (tăng 13,48% so với năm 2018) do Cảng Cần Thơ đã giữ vững và tiếp tục tạo lòng tin cho các khách hàng truyền thống để TRACO, BACONCO; đồng thời, Cảng Cần Thơ đã ký kết được hợp đồng với các khách hàng lớn trong vùng là Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ. Qua đó, tiếp tục triển khai thực hiện tốt định hướng phát triển bên cảng Hoàng Diệu thành Tổng kho phân bón khu vực ĐBSCL.

- Mặt hàng sắt thép, phế liệu thông qua toàn cảng tiếp tục có sự tăng trưởng tốt (tăng 12,24% so với năm 2018), nhất là mặt hàng sắt thép thành phẩm xuất đi Campuchia Cảng Cần Thơ. Cảng Cần Thơ vẫn duy trì vị trí gần như độc quyền trong cung cấp dịch vụ nhập hàng hóa của khách hàng Thép Tây Đô, phát triển tốt các bãi hàng phế liệu tại Cảng Cái Cui. Tuy nhiên vào nửa cuối năm 2019 mặt hàng phế liệu có sự suy giảm mạnh do các đơn vị nhà máy sản xuất thép thay đổi phương thức thu mua nguyên liệu đầu vào. Dẫn đến sản lượng phế liệu có sự suy giảm do khách hàng cung ứng phế liệu còn chậm trong việc thay đổi công nghệ, cũng như tính toán lại giá thành dịch vụ. Ngoài ra, khách hàng Thép Tây Đô đã tái cơ cấu hoạt động cung ứng nguồn nguyên liệu, chuyển sang đơn vị ngoài; điều này dẫn đến việc chuyển giao hợp đồng thuê bãi từ Thép Tây Đô sang công ty mới mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến tiến độ nhập xuất hàng thông qua cảng.

- Mặt hàng than đá có sự tăng trưởng mạnh tại khu vực Cảng Cái Cui phục vụ hoạt động của Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải; qua đó, bù đắp cho sản lượng bị suy giảm tại Cảng Hoàng Diệu (do khách hàng gặp khó khăn về đầu ra) và kéo sản lượng mặt hàng than đá toàn cảng tăng trưởng 17,06% so với năm 2018.

- Hoạt động gom vớt than tại nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải năm 2019 tiếp tục duy trì ổn định sau khi Cảng đấu thầu thành công gói thầu gom vớt than tại cầu cảng số 1 thay thế cho hợp đồng gom vớt tại cầu cảng số 02 đã hết hợp đồng. Tổng sản lượng gom vớt than năm 2019 đạt hơn 3,4 triệu tấn tăng trưởng 49,28% so với cùng kỳ 2018; qua đó, tạo nguồn doanh thu ổn định cho cảng.

* Tại Cảng Cái Cui:



Trong năm 2019, sản lượng thông qua bến cảng có sự tăng trưởng mạnh đạt 736.453 tấn, đạt 141,3% kế hoạch năm 2019 và tăng trưởng 40,91% so với năm 2018; sản lượng container đạt 12551 TEUs, đạt 112,62% kế hoạch năm và tăng trưởng 21,67% so với năm 2018. Hầu hết các mặt hàng chủ lực của cảng đều có sự tăng trưởng tốt như hàng clinker/ xỉ sắt, than đá, phế liệu, phân bón và container; riêng mặt hàng cát đá xây dựng tiếp tục đà suy giảm mạnh do nguyên nhân đã nêu trên. Trong kỳ, bến đã nỗ lực để duy trì các mặt hàng hiện đang thuê kho, bãi tại cảng như phân bón, than đá, container, phế liệu; đồng thời, thu hút được mặt hàng xỉ sắt clinker quay lại cảng sau khi khách hàng mở rộng quy mô sản xuất.

a) Một số mặt hàng biến động sản lượng do yếu tố thị trường như:

- Mặt hàng vật liệu xây dựng có sự suy giảm mạnh (giảm 51.268 tấn tương đương giảm 31,73% so với năm 2018) do yếu tố môi trường; các doanh nghiệp thuê bãi tại cảng làm trạm trộn chưa thể cải tạo công nghệ sản xuất để tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường trong quá trình trộn vật liệu; hiện tại các doanh nghiệp này chủ yếu hoạt động cầm chừng, một số khách hàng đang thực hiện trả bãi để di dời sang vị trí mới.

b) Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

Mặt hàng clinker/ xỉ sắt có sự tăng trưởng đột biến (tăng trưởng 154.073 tấn tương đương tăng 631,42% so với năm 2018) do khách hàng Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang nâng cao quy mô sản xuất; đồng thời, cảng đã nâng cao chất lượng dịch vụ để tạo lợi thế về bốc xếp mặt hàng xỉ sắt so với cảng Vinalines Hậu Giang.

Mặt hàng than đá có sự tăng trưởng mạnh (tăng trưởng hơn 37.751 tấn tương đương 62,8% so với năm 2018) chủ yếu phục vụ hoạt động cung ứng cho Nhà máy Nhiệt điện

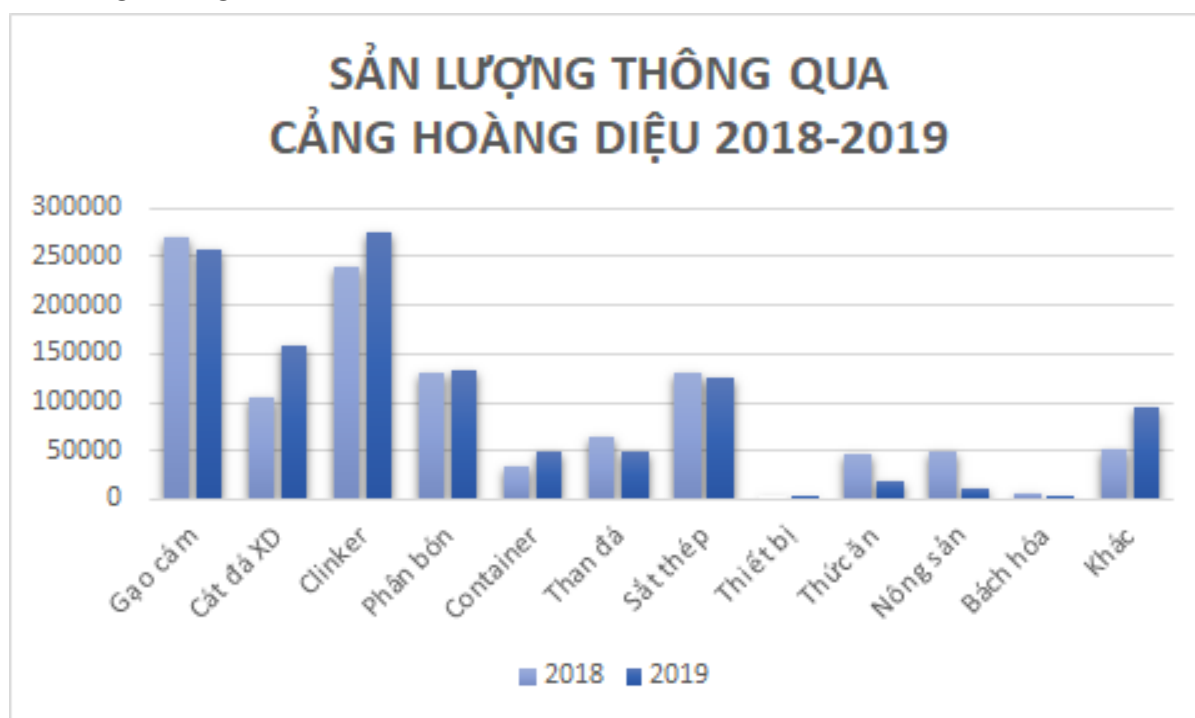
Duyên Hải; tuy nhiên, trong kỳ khách hàng Than Trường Sơn đang có xu hướng thu hẹp bãi để di dời sang bãi mới tại Hậu Giang; đồng thời, tình hình cung ứng than nội địa không đáp ứng được nhu cầu tăng cao của các nhà máy nhiệt điện, lượng tàu vận tải nội địa hạn chế nên khách hàng than đá gặp khó khăn nhất định trong việc tìm kiếm tàu và đẩy mạnh sản lượng tại Cảng Cái Cui.

Mặt hàng phế liệu thông qua cảng có sự tăng trưởng mạnh sau khi hình thành hai đơn vị thu mua phế liệu thuê bãi tại cảng. Sản lượng tăng trưởng 26.594 tấn tương đương 121,56% so với năm 2018. Tuy nhiên các tháng cuối năm 2019 sản lượng hàng phế liệu thông qua cảng có sự suy giảm tương đối mạnh do nguyên nhân thay đổi phương thức thu mua phế liệu của các nhà máy sản xuất thép.

Mặt hàng phân bón có sự tăng trưởng tốt và khai thác tốt kho hàng tại Cảng Cái Cui. Sản lượng phân bón tăng trưởng 11,781 tấn tương đương tăng 32,99% so với năm 2018.

- Mặt hàng bách hóa đi Phú Quốc tiếp tục duy trì ổn định, tăng trưởng nhẹ 3,08% so với năm 2018.

* Tại Cảng Hoàng Diệu:



Trong năm 2019 sản lượng thông qua cảng có sự tăng trưởng nhẹ (tăng 4,21%) so với năm 2018, đạt 1.177.520 tấn, đạt 90,58% kế hoạch năm 2019; sản lượng container đạt 3.503 TEUs, đạt 100,09% kế hoạch năm và tăng trưởng 47,56% so với năm 2018; cơ cấu hàng hóa thông qua cảng cũng có sự biến động lớn. Các mặt hàng chủ lực truyền thống thông qua cảng như phân bón, container, vật liệu xây dựng và clinker tại bến Tây Đô có sự tăng trưởng mạnh, bù đắp sự suy giảm mạnh sản lượng các mặt hàng than đá, thức ăn gia súc, nông sản thông qua bến; Mặt hàng phế liệu có sự suy giảm mạnh tuy nhiên được bù

đáp bởi tăng trưởng sản lượng của mặt hàng sắt thép thành phẩm và phôi. Sản lượng xếp dỡ tại Vàm Cái Sắn cơ bản duy trì như năm 2018; Mặt hàng gỗ lóng có sự tăng trưởng tốt, bù đắp sự suy giảm nhẹ của mặt hàng gạo cám và clinker. Điều này cho thấy nỗ lực của đơn vị trong việc khai thác tốt hạ tầng tại bến cảng Cảng Hoàng Diệu, cũng như công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn hàng mới bù đắp sản lượng suy giảm do yếu tố thị trường. Đồng thời, đơn vị cũng thực hiện tốt việc điều chỉnh cơ cấu doanh thu bóc xếp theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tại các bến phao và tăng tỷ trọng hàng hóa khai thác tại cảng.

a) Một số mặt hàng biến động sản lượng do yếu tố thị trường như:

- Mặt hàng gạo tại Vàm Cái Sắn có sự suy giảm nhẹ (giảm 5,31%) so với năm 2018 và tiếp tục duy trì sản lượng thấp so với tiềm năng do Trung Quốc vẫn duy trì siết chặt quản lý xuất xứ nguồn gốc đối với hàng xuất tiểu ngạch mậu biên; ngoài ra, xu hướng chuyển dần sang xuất chính ngạch gạo tại khu vực này; trong khi đó, Cảng Cần Thơ chưa có bến cứng và các thủ tục hải quan tại cảng chưa linh hoạt nên chưa thu hút được nhiều hàng gạo xuất khẩu về cảng làm hàng.

- Mặt hàng thức ăn gia súc suy giảm mạnh (giảm 30.088 tấn tương đương giảm 63,18%) so với năm 2018 do khách hàng trả kho và chuyển hàng về kho doanh nghiệp.

- Mặt hàng nông sản có sự suy giảm mạnh (giảm 37.132 tấn, tương đương giảm 75,57%) so với năm 2018 do khách hàng gặp khó khăn về đầu ra.

- Mặt hàng sắt thép có sự suy giảm nhẹ (giảm 4,52%) so với năm 2018; chủ yếu do sản lượng mặt hàng phế liệu suy giảm mạnh khoảng 15.051 tấn tương đương 18,37% trong khi đó hàng sắt thành phẩm có tăng trưởng nhẹ và mặt hàng phôi có tăng trưởng tốt đã bù đắp được phần nào sản lượng suy giảm. Sản lượng hàng phế liệu giảm chủ yếu do việc chuyển đổi phương thức thu mua của nhà máy và việc chuyển đổi pháp nhân thuê bãi tại cảng còn chậm.

- Mặt hàng than đá suy giảm mạnh (giảm 16.282 tấn tương đương giảm 24,78%) so với năm 2018 do khách hàng gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm.

b) Các mặt hàng biến động sản lượng do yếu tố chia sẻ thị phần như:

Mặt hàng clinker tại Vàm Cái Sắn có sự suy giảm nhẹ (giảm 4,49% so với năm 2018) một phần do cạnh tranh với Cảng Bảo Mai; đồng thời, trong kỳ khách hàng có yêu cầu cao về mặt tài chính đối với mặt hàng này nên hoạt động xếp dỡ mặt hàng này bị gián đoạn trong một vài tháng đầu năm 2019.

c) Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

- Mặt hàng container thông qua cảng có sự tăng trưởng tốt như đã nêu trên do Cảng đã thu hút được lượng hàng gạo đóng container khá ổn định; chương trình hợp tác phát triển chuỗi dịch vụ hàng container với Vietsun tại bến vẫn phát huy tốt, nhất đối với hàng

phân bón và phế liệu đóng container, vận chuyển lô hàng hóa chất chuyển từ Cảng Hoàng Diệu về KCN Trà Nóc;

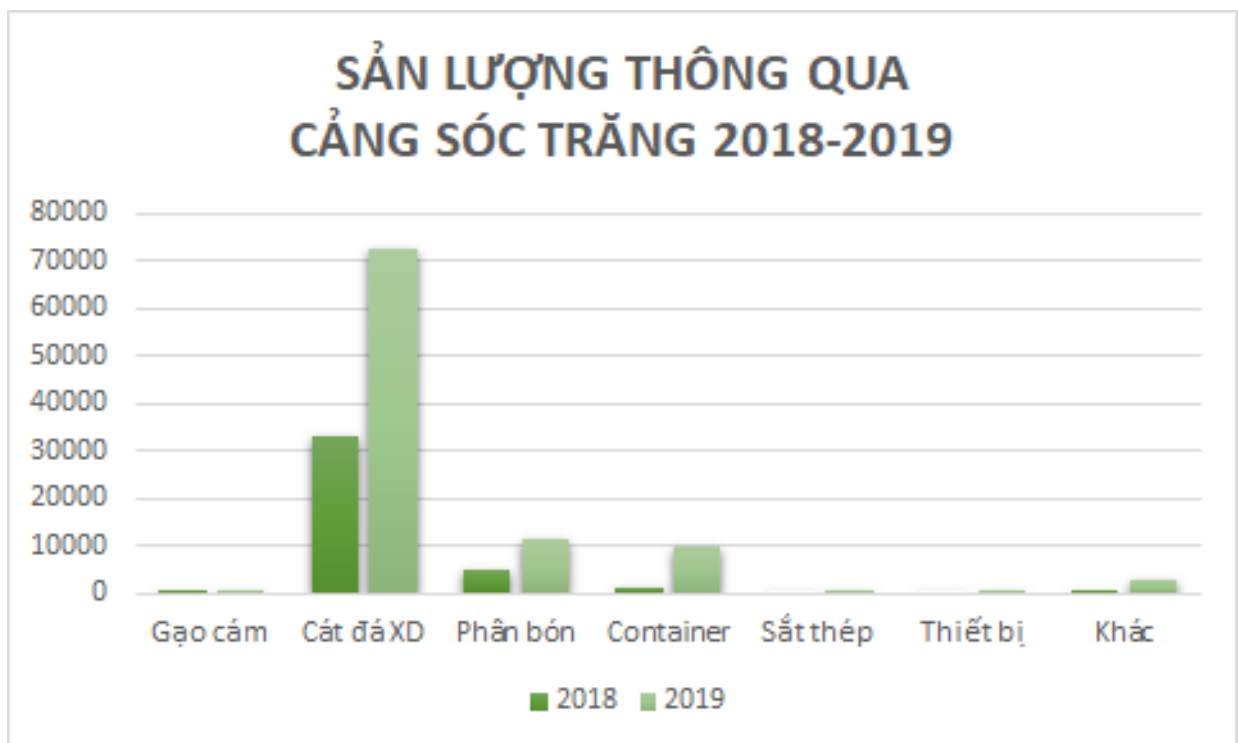
- Mặt hàng clinker xếp dỡ tại bến Tây Đô và Cảng Hoàng Diệu có sự tăng trưởng mạnh (tăng trưởng 43.563 tấn tương đương tăng trưởng 84,65%) so với năm 2018. Ngoài sản lượng ổn định tại bến Tây Đô thì khách hàng 720 cũng góp phần tăng trưởng sản lượng clinker và cát đá xây dựng tại khu vực bến Cảng Hoàng Diệu

- Mặt hàng phôi thép tiếp tục có sự tăng trưởng tốt (tăng trưởng 73,38%) so với năm 2018, một phần do nguồn cung phế liệu chất lượng còn hạn chế; ngoài ra, Cảng Hoàng Diệu đã thực hiện tốt cung ứng dịch vụ vận chuyển hàng thép thành phẩm, thép phôi cho khách hàng tại khu vực KCN Trà Nóc.

- Mặt hàng cát đá, vật liệu xây dựng có sự tăng trưởng vượt trội (tăng trưởng 52.430 tấn tương đương tăng 49,64%) so với năm 2018 chủ yếu phục vụ công trình xây dựng mở rộng tại khu vực sân bay Trà Nóc.

- Mặt hàng phân bón tiếp tục duy trì sản lượng ổn định, tăng trưởng nhẹ (tăng 3,27%) so với năm 2018 sau khi khách hàng thiết lập ổn định chuỗi logistics mặt hàng này thông qua cảng. Trong kỳ, khách hàng SOTRANS đã trả kho, tuy nhiên cảng đã thu hút được khách hàng Đạm Cà Mau và Đạm Phú Mỹ về cảng làm hàng; các khách hàng khác đã tăng sản lượng để bù đắp thị phần của SOTRANS.

* Tại Cảng Sóc Trăng:



Sản lượng thông qua Cảng Sóc Trăng có sự tăng trưởng mạnh (tăng trưởng 57.955 tấn, tương đương tăng trưởng 145,7%) so với năm 2018, tuy nhiên đơn vị chỉ đạt 38,3% kế

hoạch năm 2019; sản lượng mặt hàng container đạt 716 TEUs đạt 143,2% kế hoạch năm và tăng trưởng 661,7% so với năm 2018. Cơ cấu mặt hàng thông qua cảng cơ bản ổn định với các mặt hàng chủ lực là vật liệu xây dựng, phân bón và container rơm. Ngoài ra, trong kỳ Cảng đã thu hút được thêm một số mặt hàng mới có giá xếp dỡ cao như hàng thiết bị công trình, dầm cầu, ống cống, cọc bê tông.

a) Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

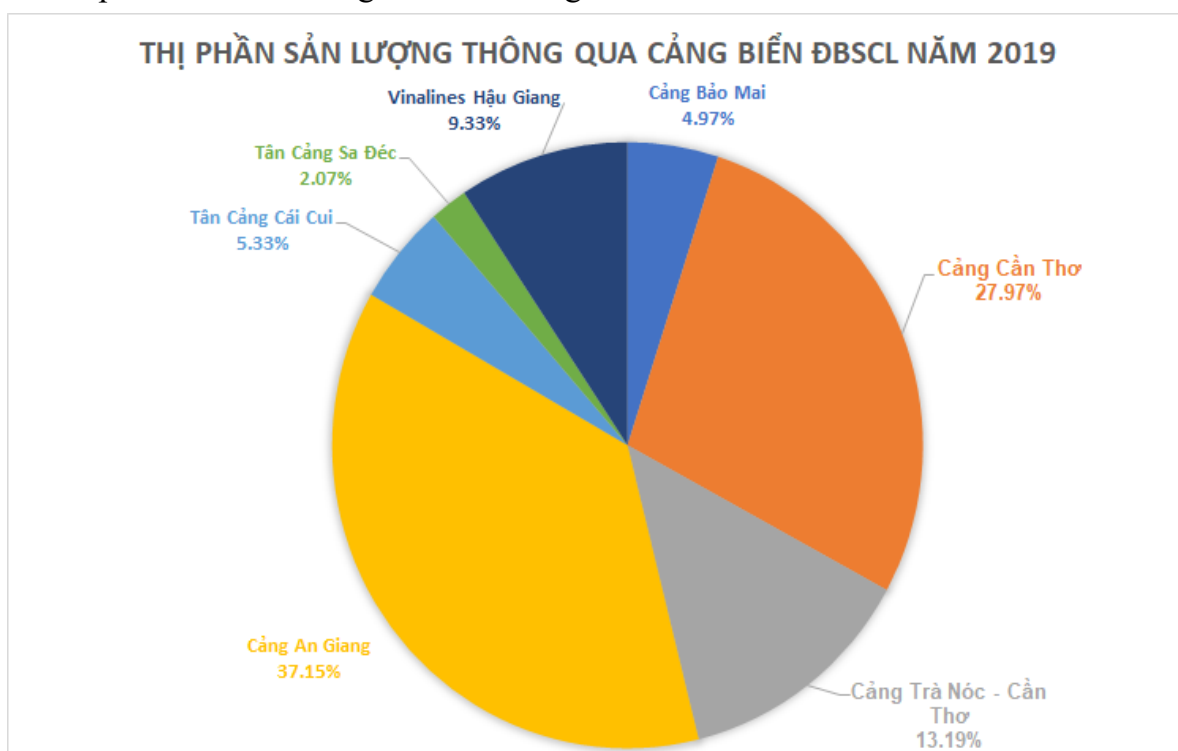
- Mặt hàng vật liệu xây dựng trở thành mặt hàng chủ lực của Cảng trong các tháng đầu năm năm 2019 với sản lượng tăng trưởng 39.735 tấn tương đương tăng 120,92% so với năm 2018. Tuy nhiên, trong nửa cuối năm 2019, sản lượng mặt hàng này suy giảm mạnh do khách hàng điều chỉnh luồng hàng hóa sang vị trí khác. Điều này ảnh hưởng lớn đến sản lượng thông qua cảng các tháng cuối năm 2019, Cảng đã nỗ lực tìm kiếm nguồn hàng khác và khách hàng khác thay thế tuy nhiên sản lượng còn khá hạn chế.

- Mặt hàng container tiếp tục duy trì sản lượng ổn định và tăng trưởng mạnh so với năm 2018 như đã nêu trên; qua đó, thể hiện sự hiệu quả của chuỗi dịch vụ trọn gói cho hàng container rơm từ Cảng Sóc Trăng đi Nghệ An. Trong kỳ Cảng cũng đã thực hiện được chuỗi hàng container cung cấp vỏ lon cho khách hàng tại khu vực Sóc Trăng.

- Mặt hàng phân bón có sự tăng trưởng tốt (tăng trưởng 147,7%) so với năm 2018; tuy nhiên sản lượng mặt hàng này còn khá khiêm tốn do với tiềm năng. Trong kỳ hoạt động tiếp thị đến các khách hàng phân bón tại khu vực ngã tư sông Dinh và trong khu vực khai thác cảng đã có hiệu quả bước đầu, các khách hàng đã đưa hàng ổn định về cảng thay thế cho khách hàng BACONCO đã trả kho.

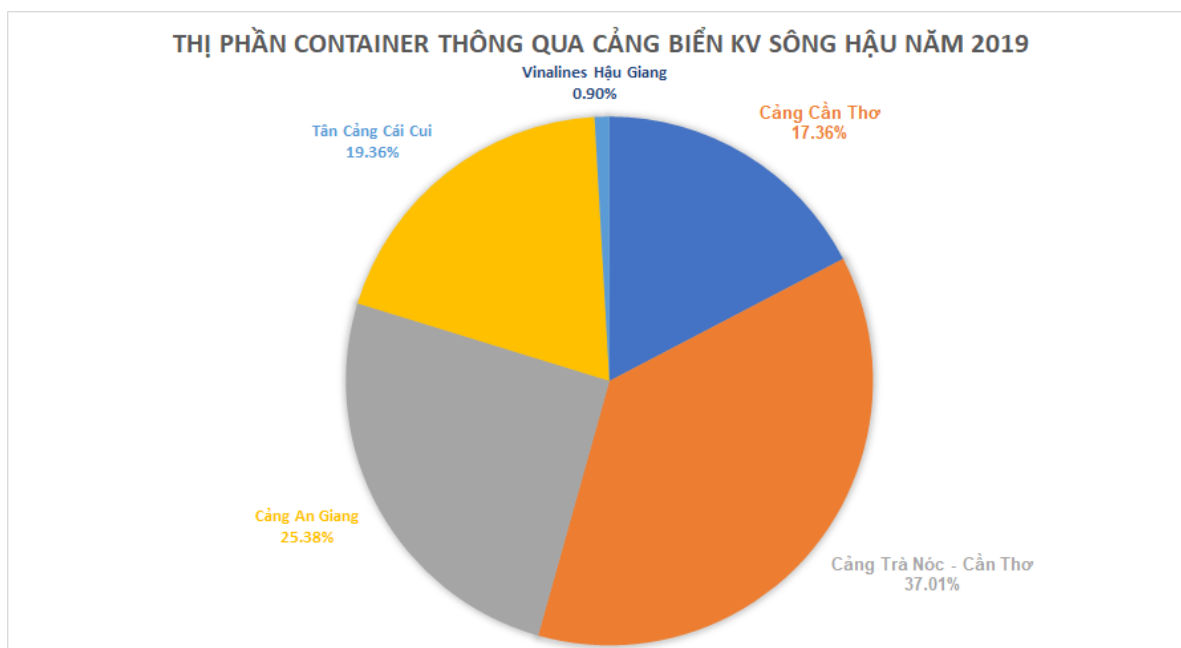
2.2.- Tình hình thị phần:

Thị phần khai thác cảng biển của Cảng Cần Thơ:



Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực sông Hậu trong năm 2019 có sự tăng trưởng mạnh so với năm 2018 (tăng 17,69%). Hầu hết tất cả các cảng biển tổng hợp trong vùng đều có sự tăng trưởng; một số cảng có sự tăng trưởng tốt như Cảng Cần Thơ, Cảng Bảo Mai, Cảng Vinalines Hậu Giang, Cảng An Giang. Trong đó, sản lượng Cảng Cần Thơ năm 2019 có sự tăng trưởng đột biến nhất, tuy nhiên các cảng đều tăng nên sản lượng nên thị phần cảng vẫn cơ bản duy trì ổn định ở mức 27-28%.

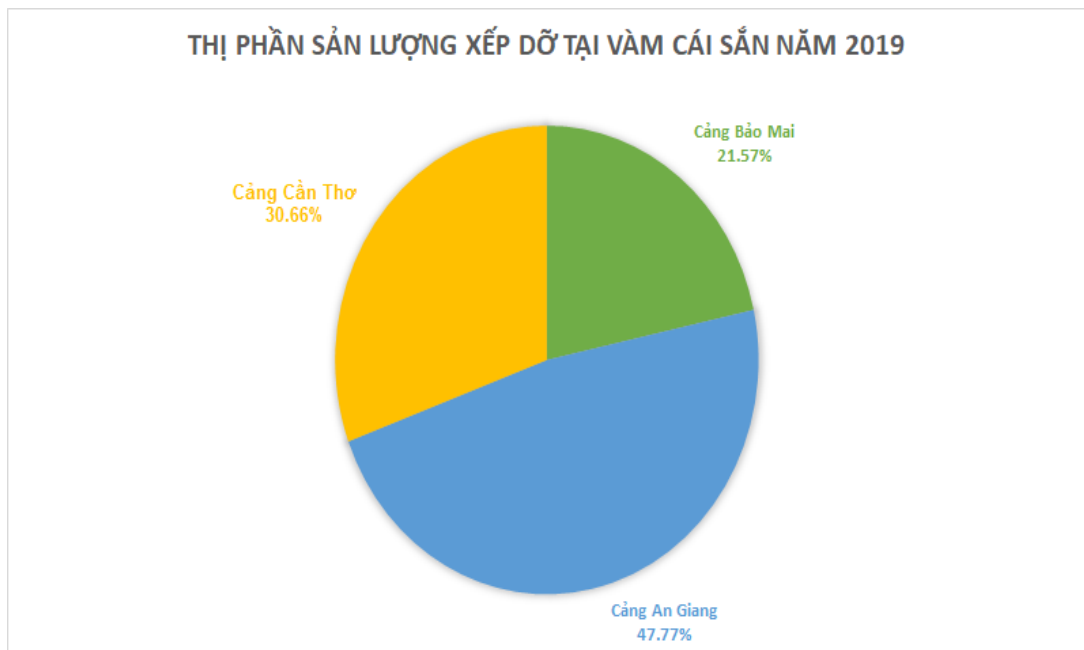
Thị phần hàng container tại Cảng Cần Thơ



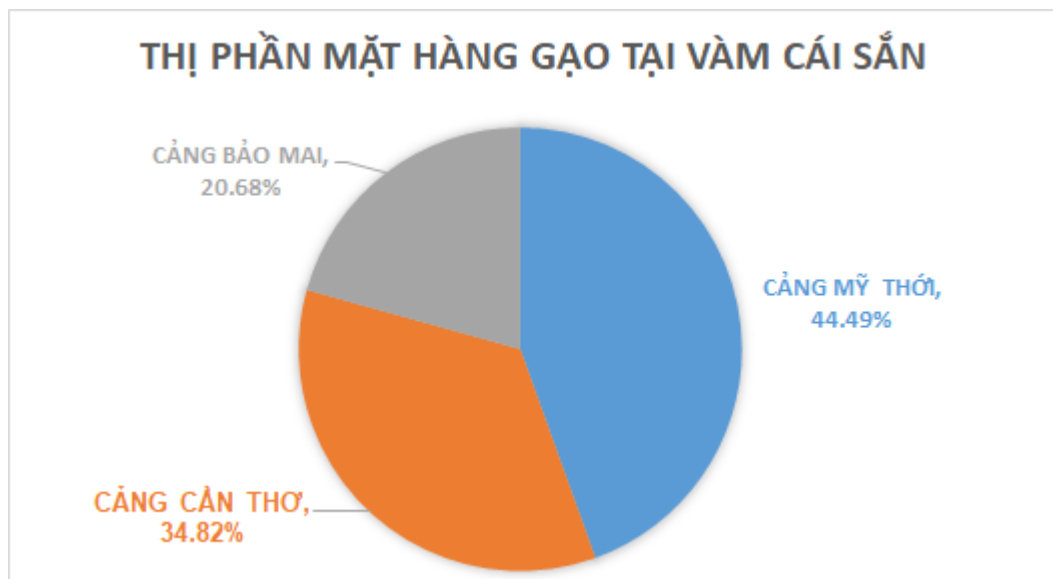
Tổng sản lượng container thông qua các bến cảng tổng hợp khu vực Sông Hậu năm 2019 có sự tăng trưởng mạnh (tăng trưởng 25,97%) so với năm 2018. Hầu hết các cảng biển trong vùng đều có sự tăng trưởng sản lượng container, đặc biệt là Cảng Trà Nóc và Cảng Cần Thơ; tuy nhiên Cảng An Giang ghi nhận sự suy giảm sản lượng khoảng 4.000 TEUs. Sự tăng trưởng sản lượng container giúp thị phần Cảng Cần Thơ trong khu vực tăng trưởng từ 15,42% lên mức 17,36%.

* Khu vực Vàm Cái Sắn:

Tổng thể sản lượng thị trường tại khu vực Vàm Cái Sắn cơ bản giữ ổn định như năm 2019; tuy nhiên, cơ cấu hàng hóa có sự điều chỉnh; dẫn đến thị phần của các cảng tại khu vực này có sự điều chỉnh nhẹ. Sản lượng các mặt hàng clinker và gạo trong khu vực đều giảm nhẹ, tuy nhiên, sản lượng gỗ lóng (mặt hàng Cảng Cần Thơ có lợi thế) có sự tăng trưởng tốt; qua đó điều này giúp cho thị phần của cảng trong khu vực có sự tăng trưởng nhẹ so với năm 2018. Ngoài ra, Cảng Cần Thơ cũng đã tìm kiếm thêm các mặt hàng mới tại khu vực này như cám nhập khẩu, gạo xuất khẩu, bột đá, tuy nhiên sản lượng còn hạn chế.



Thị phần mặt hàng gạo của Cánh Cần Thơ tại Vàm Cái Sắn chiếm 34,82% tăng hơn so với mức 32,08% vào năm 2018. Điều này là do Cánh Cần Thơ vẫn tập trung giữ các khách hàng truyền thống của cảng để duy trì thị phần của đơn vị.



Thị phần xếp dỡ mặt hàng clinker của Cánh Cần Thơ tại Vàm Cái Sắn năm 2019 chiếm 23,18% tăng trưởng so với năm 2018 (20%). Điều này là do sản lượng xếp dỡ của Cánh Cần Thơ chỉ giảm nhẹ khoảng 8.484 tấn (tương đương giảm 4,49%), trong khi đó tổng sản lượng clinker tại thị trường này giảm 167.071 tấn tương đương giảm 33,91%.



Mặt hàng gỗ lóng tại khu vực này có sự tăng trưởng tốt tăng trưởng khoảng 21,4% sản lượng so với năm 2018. Hai đơn vị cung cấp dịch vụ chính là Cảng An Giang (chiếm 65,74% thị phần) và Cảng Cần Thơ (chiếm 34,26% thị phần, so với năm 2018 là 20,86%); trong đó Cảng Cần Thơ ghi nhận sản lượng tăng trưởng vượt trội, tăng 75,35%.

III.- CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN

1.- Công tác khai thác cảng

a) Bến cảng Cái Cui:

- Hệ thống kho, bãi được khai thác với hiệu suất cao, cơ bản không có kho, bãi để trống.
- Hệ thống trang thiết bị xếp dỡ tại cảng được khai thác tốt, các phương tiện có thời gian sẵn sàng sản xuất cao, công tác sửa chữa phương tiện được thực hiện nhanh, phối hợp nhịp nhàng với lịch sản xuất của cảng.
- Cung cấp các dịch vụ tại kho, bãi đối với khách hàng phân bón và thiết bị để tăng nguồn thu.
- Tiếp thị, mời gọi các đối tác tham gia đầu tư hạ tầng tại cảng, nhất là các đối tác có lượng hàng hóa xuất khẩu lớn.
- Rà soát đàm phán cắt giảm các chi phí: đàm phán lại giá thuê phương tiện bên ngoài, tiết giảm các chi phí không cần thiết.
- Hợp tác với hãng tàu Vietsun: thiết lập và quản lý depot container tại Cảng Cái Cui; đồng thời, thực hiện việc hợp tác theo hướng chia sẻ dịch vụ để tiếp thị hàng container trong vùng phục vụ của cảng. Trong năm Cảng đã lắp đặt hoàn thiện cần cẩu chân đế 40 tấn tại cầu Cảng Cái Cui phục vụ xếp dỡ hàng container và bốc xếp sang mạn tàu.

b) Bến cảng Hoàng Diệu:

- Hệ thống kho, bãi được khai thác với hiệu suất cao, cơ bản không có kho, bãi để trống. Trong kỳ đã đưa vào khai thác kho A1 (dự án hợp tác giữa Tổng Công ty Hàng hải

Việt Nam và Cảng Cần Thơ) nhằm nâng cao năng lực lưu trữ hàng hóa tại cảng; đồng thời tạo chân hàng ổn định qua cảng.

- Hệ thống trang thiết bị xếp dỡ tại cảng được khai thác tốt, các phương tiện có thời gian sẵn sàng sản xuất cao, công tác sửa chữa phương tiện được thực hiện nhanh, phối hợp nhịp nhàng với lịch sản xuất của cảng.

- Khai thác tốt hệ thống các kiot để tăng nguồn doanh thu cho đơn vị;

- Tiếp tục duy trì chất lượng dịch vụ đối với các khách hàng đóng container gạo, hàng phân bón, tàu clinker hàng rời san mạn về cảng làm hàng.

- Rà soát đàm phán cắt giảm các chi phí: đàm phán lại giá thuê phương tiện bên ngoài, tiết giảm các chi phí không cần thiết.

* Bến phao tại Vàm Cái Sắn:

- Thường xuyên tiếp xúc, đeo bám, tiếp thị đối với khách hàng nhằm lôi kéo từng tàu về các bến của cảng làm hàng;

- Phối hợp tốt với các đơn vị chức năng để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đưa tàu vào cảng làm hàng;

- Điều chỉnh kịp thời giá cước dịch vụ và mức ưu đãi đối với khách hàng để duy trì nguồn hàng trong bối cảnh đối thủ giảm giá cước dịch vụ; xây dựng chính sách về giá theo mức độ sản lượng của khách hàng để khuyến khích các khách hàng có lượng hàng hóa lớn đưa hàng về cảng.

- Mặc dù thị trường gạo tại khu vực Cái sắn có sự sụt giảm do ảnh hưởng của thị trường gạo xuất tiêu ngạch sang Trung Quốc bị thu hẹp. Tuy nhiên, Cảng cần Thơ vẫn giữ vững thị phần hàng hóa tại Khu vực Vàm Cái Sắn.

- Cố gắng tăng cường tỷ trọng khai thác phương tiện của cảng tham gia bốc xếp tại khu vực để giảm chi phí thuê ngoài.

c) Tại Cảng Sóc Trăng:

- Tiếp tục khai thác kho hàng phục vụ chứa hàng rom.

- Hệ thống trang thiết bị xếp dỡ tại cảng được khai thác tốt, các phương tiện có thời gian sẵn sàng sản xuất cao, công tác sửa chữa phương tiện được thực hiện nhanh, phối hợp nhịp nhàng với lịch sản xuất của cảng.

- Tiếp tục phối hợp với hãng tàu Vietsun phát triển chuỗi hàng container thông qua cảng; đã thực hiện được hai chuyến hàng container vỏ lon nhập về Cảng Sóc Trăng.

Khảo sát thị trường, phối hợp với các đối tác thực hiện tiếp thị, báo giá dịch vụ theo chuỗi cho các khách hàng phân bón, thiết bị, vật liệu xây dựng, gỗ lóng, gạo, rom, sắt phế liệu,....

- Triển khai nhập hàng hóa đối với khách hàng vật liệu xây dựng; ký kết hợp đồng thuê bãi với khách hàng phế liệu. Tổ chức cung cấp dịch vụ vận tải cho khách hàng vật liệu xây dựng và các khách hàng khác tại cảng;

d) Tại Duyên Hải:

- Tổ chức tốt công tác cung cấp dịch vụ gom vét than tại nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải; thực hiện tốt việc chuyển đổi hoạt động từ cầu cảng số 2 sang cầu cảng số 01 sau khi hết hợp đồng; cũng như kiện toàn công tác phối hợp với các bộ phận hiện trường và văn phòng Nhà máy. Trong kỳ, đơn vị được chủ đầu tư đánh giá cao về năng lực và chất lượng phục vụ.

- Thường xuyên kết nối với Ban Giám đốc Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn để phối hợp cung cấp dịch vụ khi có khách hàng có yêu cầu làm hàng thông qua bến cảng Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn cũng như các dự án liên quan đến nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 và các dự án điện gió tại khu vực Duyên Hải (Trà Vinh).

2.- Công tác thị trường

- Thường xuyên tiếp thị, chăm sóc khách hàng nhất là khách hàng các mặt hàng chủ lực của cảng như gạo, than đá, clinker, phân bón, phế liệu, container, vật liệu xây dựng,... để tăng sản lượng hàng hóa thông qua cảng.

- Chú trọng đến chính sách giá và chính sách chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng theo cam kết về năng suất, thời gian giải phóng tàu, an toàn hàng hoá, an toàn tàu, thủ tục đơn giản và lắng nghe khách hàng.

- Phối hợp với văn phòng đại diện Cảng Cần Thơ tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và phối hợp tiếp cận khách hàng phân bón và các trung tâm Logistics tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích đưa các luồng hàng hóa về khu vực Cảng Cần Thơ.

- Trong năm 2019, Cảng Cần Thơ đã triển khai hợp tác với hãng tàu và đối tác để cung cấp chuỗi dịch vụ hàng container cho khách hàng tại khu vực ĐBSCL thông qua các bến cảng trực thuộc Cảng Cần Thơ đi các tuyến vận tải nội địa trong nước theo hình thức chia sẻ chi phí và trách nhiệm theo từng khâu trong chuỗi của hai đơn vị.

- Khảo sát thị trường tại Sóc Trăng tìm kiếm nguồn hàng, khách hàng đưa về Cảng Sóc Trăng; nhất là tiếp thị được các khách hàng phân bón, thiết bị công trình và mặt hàng siêu trường, siêu trọng thông qua cảng.

- Khảo sát thị trường hàng container và tìm kiếm vị trí thiết lập bến thủy nội địa tại tỉnh Đồng Tháp khai thác hàng container tại thị trường Thốt Nốt, An Giang, Đồng Tháp.

3.- Hoạt động của công ty liên doanh

- Cảng Cần Thơ đầu tư góp vốn tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn chiếm 50% vốn điều lệ công ty với tổng số tiền 4.497.251.573 đồng. Năm 2019, hoạt động của liên doanh Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn đã chia lãi về cho Cảng Cần Thơ 1.572.522.000 đồng tăng 62% so với cùng kỳ.

- Hoàn thành công tác chuyển đổi tên người đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn từ ông Phan Thành Tiến sang ông Nguyễn văn Phương.

4.- Công tác đầu tư

- Trong năm 2019, Cảng Cần Thơ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực vào đầu tư phương tiện, thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh với tổng mức đầu tư là 9,4 tỷ đồng, trong đó: Mua 01 cần cẩu có sức nâng 60-90 tấn; Xây dựng nhà vệ sinh công nhân và khách hàng; Mua 01 máy bơm cứu hỏa PCCC; đang triển khai các hạng mục: đóng mới sàn lan mặt bằng 400-600 tấn, đầu tư hệ thống PCCC cầu tàu số 1, 2 và thẩm định hệ thống PCCC các kho, mua 02 băng tải.

- Liên kết hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam xây dựng 01 kho hàng có diện tích 3.007 m² tại Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu.

- Công tác đầu tư của Cảng chưa đạt theo như kế hoạch đề ra do trong năm 2019 Công ty vẫn còn bị xếp vào nhóm nợ xấu, Cảng Cần Thơ không thể tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị để phát triển sản xuất kinh doanh còn nhiều hạn chế. Đến ngày 31/12/2019 Cảng Cần Thơ đã hoàn thành công tác tái cơ cấu nợ với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương, đây là cơ sở để Cảng Cần Thơ có thể tiếp cận nhiều nguồn vốn cho hoạt động phát triển nguồn lực tài chính những năm tiếp theo.

5.- Công tác tiền lương, nhân sự

5.1.- Tổng hợp tình hình chung

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị		Chênh lệch	
			Năm 2018	Năm 2019	Tuyệt đối	Tỉ lệ
1	Tổng sản lượng	Tấn	1.692.340	2.011.706	319.366	119%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	98.973	125.023	26.050	126%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	105.850	121.076	15.226	114%
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	-6.876	3.946		
5	Tổng số lao động b/q	Người	169	169	-	100%
6	Hiệu suất sử dụng lao động	Tr.đ-người/năm	585	739	154	126%
7	Năng suất lao động	tấn/người	10.014	11.903	1.889	118%
8	Tỷ suất lợi nhuận bình quân	Tr.đ - người/năm	(40)	23		
9	Tiền lương bình quân	Tr.đ - người/năm	7.0	7,4	0,4	105%

5.2.- Hiệu quả sử dụng lao động

- Từ số liệu của bảng tính nêu trên cho thấy: Số lao động thực hiện bình quân năm 2019 bằng lao động năm 2018. Tỷ lệ tăng trưởng của doanh thu năm 2019 là 26 tỷ so với năm 2018 ứng với tỷ lệ 26% dẫn đến hiệu quả sử dụng lao động năm 2019 tăng trưởng 154 triệu đồng/người, ứng với tỷ lệ tăng 26%.

- Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân: Năm 2019, trung bình một lao động tạo ra được 11.903 TTQ, tăng so với năm 2018 là 1.889 tấn tương ứng với tỷ lệ tăng 18%. Qua đây cho thấy hiệu quả sử dụng lao động trong công ty rất tốt. Năng suất lao động bình quân không ngừng được nâng cao.

- Chỉ tiêu sức sinh lời của lao động: Khả năng sinh lời của một nhân viên là xét tới khả năng một lao động mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận. Dựa vào bảng tính ta thấy năm 2018 lợi nhuận kinh doanh lỗ; Năm 2019 một lao động đã tạo ra 23 triệu đồng lợi nhuận. Bên cạnh đó, tiền lương bình quân của người lao động năm 2019 đạt 7,4 triệu đồng-người/tháng, tăng 5% so với cùng kỳ cho thấy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 rất khả quan đã góp phần ổn định thu nhập cho người lao động, giúp người lao động an tâm công tác và phát huy hết khả năng của mình trong hoạt động kinh doanh.

Tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2019 là 15.100.000.000 đồng, thực hiện năm 2019 là 15.185.000.000 đồng, tăng 0,56% so với kế hoạch. Cảng Cần Thơ kính đề nghị Tổng Công ty xem xét, phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương của người lao động là 15.185.000.000đồng.

5.3.- Tình hình đào tạo nhân sự của công ty

Căn cứ theo phương hướng hoạt động kinh doanh ở từng giai đoạn, từng thời kỳ, căn cứ vào tình hình thực tế. Hàng năm, Lãnh đạo cảng xem xét đánh giá cá yếu tố cần có để đạt được mục tiêu đề ra để chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên lao động nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra. Ngoài ra, ở khía cạnh vĩ mô, các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc căn cứ vào tình hình thực tế có nhu cầu cụ thể theo chức danh quản lý, từng chuyên ngành, chuyên môn nghiệp vụ để tự xác định nhu cầu nhân lực của mình, nhu cầu nào có thể giải quyết bằng hoạt động đào tạo, nhu cầu nào phải thực hiện tuyển dụng, luân chuyển lao động.

Những căn cứ cụ thể xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của công ty là:

- Tiêu chuẩn thực hiện công việc: mỗi chức danh công việc trong công ty có các yêu cầu về trình độ, kỹ năng cũng như năng lực khác nhau.

- Dựa vào chức danh công việc và thực tế thực hiện công việc của người lao động, phòng Tổ chức nhân sự sẽ xem xét nhân viên đáp ứng được hay chưa, thiếu những kỹ năng gì để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng người lao động hoàn thành tốt công việc.

- Chiến lược sản xuất kinh doanh và tình hình sản xuất kinh doanh cụ thể của cảng, thông qua chiến lược kinh doanh để xác định lượng lao động mới cần thiết để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm là bao nhiêu, qua đó công ty có thể dự trù được lượng lao động mới, lĩnh vực cần đào tạo mới. Cùng đó với kế hoạch chi tiết hàng năm về sản lượng cũng như doanh thu mà công ty xác định số người lao động cần bồi dưỡng, nâng cao trình độ để thực hiện mục tiêu đặt ra.

- Thông qua đánh giá của người quản lý trực tiếp để phục vụ cho việc xác định nhu cầu đào tạo. Qua đánh giá thực hiện công việc mà người quản lý đề xuất những kỹ năng cần thiết phải đào tạo đối với người lao động để thực hiện công việc có hiệu quả.

Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2019:

TT	Khóa đào tạo bồi dưỡng	Thời gian	Số người tham gia					
			Ban điều hành	Phòng Kinh doanh khai thác	Phòng Tổ chức nhân sự	Phòng tài chính kế toán	Phòng Kỹ thuật	Các đơn vị trực thuộc
1	Tập huấn nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động tại Cảng Sài Gòn	04/3-04/4/2019					1	1
2	Tập huấn xây dựng hệ thống KPI	31/3-03/4/2019	1	1	1			
3	Tập huấn về công cụ, dụng cụ xếp dỡ	11/4/2019					4	14
4	Tập huấn cán bộ ban chỉ huy quân sự cơ quan	21/5-29/5/2019						1
5	Tập huấn lực lượng tự vệ cơ quan	12/8-18/8/2019						8
6	Quản lý dự án đầu tư	26/9-27/9/2019		1	1			

TT	Khóa đào tạo bồi dưỡng	Thời gian	Số người tham gia					
			Ban điều hành	Phòng Kinh doanh khai thác	Phòng Tổ chức nhân sự	Phòng tài chính kế toán	Phòng Kỹ thuật	Các đơn vị trực thuộc
7	Tập huấn công tác phòng chống khủng bố, đảm bảo an ninh hàng hải	26/9-27/9/2019						2
8	Xây dựng văn hóa chăm sóc khách hàng	12/10-13/10/2019	4	10	4	1	2	23
9	Tập huấn tuyên truyền về chứng khoán và thị trường chứng khoán	25/10/2019		1	2	1		
10	An ninh cảng biển	09/11-10/11/2019						6
11	Nghiệp vụ khai thác cảng	09/11-10/11/2019		4				4
12	Tổ chức lớp học trực tuyến khóa học Dịch vụ khách hàng cho cán bộ công nhân viên do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tổ chức	18/9/2019	1	7	5	3	3	40

5.5.- Quy hoạch cán bộ

- Công tác quy hoạch cán bộ là một khâu quan trọng không thể thiếu trong doanh nghiệp để đảm bảo nguồn lực lượng kế thừa có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tương lai. Việc thực hiện tốt, đầy đủ công tác quy hoạch, đề bạt cán bộ theo phân cấp quản lý tạo điều kiện thuận lợi cho bộ

máy của Công ty có những cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới. Trong năm 2019, Cảng Cần Thơ đã thực hiện đánh giá, lựa chọn quy hoạch 19 cán bộ có đủ đức, đủ tài vào các vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng, Trưởng-Phó phòng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc giai đoạn 2021-2026.

- Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện theo đúng quy trình quy hoạch của Công ty đảm bảo quá trình lựa chọn có sự đánh giá, xem xét, phân tích các tiêu chuẩn và đề bạt lên lãnh đạo cấp trên để báo cáo, xem xét, phê duyệt.

5.6.- Công tác tái cơ cấu

- Trước tình hình sản xuất kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt giữa các cảng trong khu vực và sự đòi hỏi ngày càng cao về cung cấp chất lượng dịch vụ của khách hàng đối với doanh nghiệp cần có có đội ngũ nhân viên có năng lực chuyên môn cao nhằm đáp ứng sự thay đổi của môi trường kinh doanh và từng bước chủ động trong sản xuất kinh doanh, tìm kiếm việc làm và nâng cao hiệu quả sản xuất thì việc tái cơ cấu sắp xếp lại bộ máy tổ chức tại công ty là hết sức cần thiết.

- Trên cơ sở đánh giá kết quả tái cơ cấu đã đạt được những hiệu quả nhất định của năm 2017. Trong năm 2019, Cảng Cần Thơ tiếp tục thực hiện xây dựng phương án sắp xếp lại bộ máy tổ chức, giải thể Chi nhánh Cảng Cái Cui sáp nhập vào văn phòng chính Cảng Cần Thơ đồng thời tách phòng Tổng hợp thành 03 phòng chức năng gồm: Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kinh doanh khai thác. Năm 2020, tiếp tục thực hiện phương án tái cấu trúc doanh nghiệp, Cảng Cần Thơ triển khai giải thể chi nhánh Cảng Hoàng Diệu trong 06 tháng cuối năm 2020.

Mô hình Cảng Cần Thơ sau tái cơ cấu tại thời điểm 01/01/2020:

- +Đại Hội đồng cổ đông;
- +Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- +Ban điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng);
- +Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- +Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kinh doanh Khai thác, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kỹ thuật, phòng Tổ chức nhân sự.
- +Các đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, Chi nhánh Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng.

5.7.- Công tác pháp chế

a.- Tham gia tố tụng về các vụ kiện tranh chấp thương mại: Đánh giá được tầm quan trọng của công tác thu hồi nợ khách hàng ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền và sức khỏe tài chính doanh nghiệp. Trong năm 2019, Cảng Cần Thơ đã thực hiện nhiều giải pháp để giải quyết vấn đề này, cụ thể:

- Thiết lập bộ phận chuyên môn quản lý chặt chẽ công nợ, xây dựng chính sách chi trả rõ ràng

- Gửi thư hồi thúc thanh toán nợ đối với khách hàng.

- Thực hiện tham gia tố tụng đối với tất cả các khách hàng có khoản nợ quá hạn thanh toán.

- Phối hợp với cơ quan thi hành án thực hiện thi hành đối với 20 khách hàng.

-> Kết quả thực hiện năm 2019: Tham gia tố tụng tại tòa án thu hồi nợ dứt điểm 03 khách hàng thu hồi dứt điểm số nợ 1.336.000.000 đồng, gồm Công ty Cổ phần Vận tải liên Hiệp Huy Hoàng: 1.072.000.000 đồng; Công ty Cổ phần Vận tải thương mại Dịch vụ Hoa Lư: 114.401.692 đồng; Công Ty TNHH Xây Dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn: 150.000.000 đồng.

b.- Hỗ trợ tính pháp lý, công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật:

- Hợp tác, phối hợp với Văn Phòng Luật sư Lê Khanh để đảm bảo hành lang pháp lý an toàn trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng dịch vụ đối với các hoạt động tư vấn chuyên sâu cũng như nhận được hỗ trợ pháp lý trong các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật trong doanh nghiệp. Đồng thời, qua công tác phối hợp, nhân viên có điều kiện học tập, trau dồi kinh nghiệm làm việc.

- Năm 2019, thực hiện các nội dung tham mưu các nội dung có liên quan đến quá trình điều hành, thực hiện các thủ tục có liên quan đến công bố thông tin doanh nghiệp đến các cơ quan quản lý nhà nước, cũng như tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên, cơ cấu tái cấu trúc doanh nghiệp... tham gia các vụ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trước tòa án có thẩm quyền. Tham gia rà soát, trình ban hành lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ công ty theo mô hình cơ cấu tổ chức mới. Thông qua việc phối hợp với các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc công ty tổ chức tuyên truyền và phổ biến pháp luật đã được thực hiện với nhiều hình thức một cách thường xuyên và đi vào nề nếp.

6.- Công tác tài chính kế toán

Tham mưu hiệu quả cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác hoạch định, tổ chức thực hiện việc quản lý, tình hình sử dụng quản lý các quỹ, sử dụng tài sản và nguồn vốn, các nguồn lực tài chính phục vụ cho công tác kinh doanh, công tác hạch toán, thống kê, hoạch định chiến lược và đầu tư phát triển của Công ty. Cụ thể như sau:

- Phối hợp với các phòng chức năng và Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thực hiện hoàn thành công tác tái cơ cấu khoản nợ vay của ngân hàng VietinBank, chuyển đổi chủ nợ ngân hàng sang chủ nợ mới Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Điều này làm giảm áp lực về chi phí lãi vay hàng năm của doanh nghiệp, tạo dòng tiền tốt tham gia vào hoạt động kinh doanh.

- Tham mưu và trình lãnh đạo phê duyệt các quy định nội bộ về quản lý tài chính: quy trình thu, chi kinh doanh; quản lý tiền vốn, công nợ; ... áp dụng trong đơn vị và kiểm tra việc chấp hành các quy định nội bộ này.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ, kiểm soát, phân tích tình hình công nợ đưa ra các đánh giá khả năng rủi ro, đề ra các giải pháp thu hồi, đôn đốc và chỉ đạo các thành viên thu hồi công nợ hiệu quả.

- Đảm bảo và duy trì tốt dòng tiền phục vụ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư... tổ chức và chỉ đạo hạch toán kế toán ở từng đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo đúng quy định. Tổ chức theo dõi, phân tích, đánh giá và phản ánh tình hình biến động của nguồn vốn tại công ty cũng như cung cấp thông tin về tình hình kinh tế, tài chính cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành, hoạch định sản xuất.

- Qua các kỳ kiểm toán không có các bút toán điều chỉnh và kiến nghị loại trừ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

7.- Công tác Kỹ thuật; ATLD-PCCC, Bảo hộ lao động, môi trường và chăm sóc sức khỏe người lao động

a.- Công tác kỹ thuật

- Thực hiện tốt phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, trong năm qua công tác sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị được chấn chỉnh bằng một số biện pháp như:

+ Kiểm tra, nhắc nhở việc ghi chép cập nhật việc quản lý kỹ thuật đầy đủ, kịp thời trong Sổ nhật ký phương tiện.

+ Biên soạn bổ sung chi tiết các hạng mục bảo dưỡng định kỳ theo lịch bảo dưỡng phương tiện và bước đầu đã triển khai trong thực tế hàng ngày, hàng tháng.

+ Biên soạn lại các biểu mẫu kèm theo quy trình thực hiện các bước sửa chữa đột xuất các phương tiện.

+ Tổng kiểm kê rà soát lại công cụ, dụng cụ sửa chữa để có kế hoạch trang bị bổ sung trong năm 2020.

- Với phương châm thực hiện nêu trên chính vì thế mặc dù thiết bị cũ lạc, hậu nhưng ít trường hợp hư hỏng đột xuất trong quá trình làm hàng, công tác chăm sóc, bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện được phối hợp tốt với lịch sản xuất nên đáp ứng được kịp thời nhu cầu của đơn vị; thiết bị luôn trong tư thế sẵn sàng phục vụ sản xuất góp phần nâng cao uy tín của đơn vị đối với khách hàng. Trong năm đã thực hiện nâng cấp sửa chữa lớn một số thiết bị cụ thể như sau:

+Đại tu hệ thống truyền động cơ khí cho cần cầu Fk150

+ Đóng mới 10 mâm dùng để chất xếp nâng hạ, hàng bao trong kho.

+ Đại tu sửa chữa lớn cần cầu NISSHA 45 tấn

+ Nâng cấp cải tạo hệ thống điện cầu cảng số 02 Cảng Cái Cui

+ Sửa chữa hệ thống pccc ngầm bị xý nước Cảng Cái Cui

+ Trên đà đăng kiểm sà lan boong 600 tấn

- + Trên đà đăng kiểm sà lan boong 800 tấn
- Để khai thác thiết bị hiệu quả hơn trong năm qua đã trang bị thêm một số dụng cụ bốc xếp nhằm cải tiến phương án xếp dỡ, tăng năng suất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Năm 2020 Cảng Cần Thơ tiếp tục đầu tư lên kế hoạch sửa chữa lớn các phương tiện để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- +Đại tu sửa chữa xe chụp Ferary 198L phục vụ nâng hạ container.
- +Cải tạo họng phễu 30 khối phục vụ bốc xếp hàng rời lên xe kết hợp với cần cầu điện 40 tấn để giảm chi phí.
- +Cải tạo trạm biến áp 400KVa lên trạm biến áp 1000KVa để phục vụ cho cần cầu điện 40 tấn,cấp điện cho tàu du lịch.
- +Liên kết với công ty Việt Nhật lắp đặt cần cầu ray sử dụng điện phục vụ bốc xếp sang mạn hàng rời, có thể bốc xếp được một tàu container.
- +Liên kết lắp đặt một cần cầu 40 tấn cố định để phục vụ bốc xếp container, đóng cont gạo tại khu vực Vàm Cái Sắn.

- Do chưa được đầu tư đồng bộ làm cho việc vận chuyển hàng hóa nội bộ Cảng Cái Cui gặp rất nhiều khó khăn, đồng thời với cơ sở hạ tầng cũ kỹ đang xuống cấp nên để hàng hóa lưu chuyển hàng hóa nội bộ giữa các kho bãi cũng như ra vào cảng thuận lợi, đồng thời từng bước nâng cao diện mạo Cảng Cần thơ, trong năm qua đã thực hiện sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng như sau:

- + Cải tạo đường dẫn ra vào kho số 7 với cầu Cảng tại cảng Hoàng Diệu.
- + Lắp đặt hệ thống Camera giám sát hải quan.

b.- Thực hiện các biện pháp về kỹ thuật an toàn, PCCC và BHLĐ

- Thực hiện phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, trong năm qua công tác chăm sóc bảo dưỡng được triển khai và thực hiện nghiêm túc, chính vì thế mặc dù thiết bị cũ lạc, hậu nhưng ít trường hợp hư hỏng đột xuất trong quá trình làm hàng, công tác chăm sóc, bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện được phối hợp tốt với lịch sản xuất nên đáp ứng được kịp thời nhu cầu của đơn vị; thiết bị luôn trong tư thế sẵn sàng phục vụ sản xuất góp phần nâng cao uy tín của đơn vị đối với khách hàng.

- An toàn vệ sinh lao động luôn được đặc biệt quan tâm, bên cạnh phối hợp Công đoàn, Đoàn Thanh niên tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm đến người lao động trực tiếp tuân thủ đúng quy định về ATVSLĐ, tuyệt đối tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chế của cơ quan về ATVSLĐ trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời cử nhân viên ATVSLĐ bám sát hiện trường sản xuất, tuyên truyền vận động nhắc nhở CNVCLĐ thực hiện tốt các biện pháp an toàn lao động, quyết tâm không để xảy ra tai nạn lao động, quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp.

- Nâng cao công tác PCCC tại nơi làm việc, thường xuyên tuyên truyền giáo dục bằng nhiều hình thức như treo các khẩu hiệu, pano, lồng ghép chủ đề PCCC vào các buổi họp, sinh hoạt tổ, đội nhằm nâng cao ý thức cho CNVCLĐ về công tác PCCC và

phòng chống cháy nổ; cử CNVCLĐ tham dự tập huấn các lớp bồi dưỡng về công tác PCCC, trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC, giữ các mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan hữu quan trong địa bàn. Trong năm đã từng bước hoàn thiện hệ thống PCCC của đơn vị như sau:

+ Thành lập Đội PCCC cơ sở ở Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui, cử 15 anh em đi học lớp tập huấn nghiệp vụ PCCC và Cứu hộ cứu nạn do Công An PCCC TP Cần Thơ tổ chức.

+ Tổ chức 02 đợt diễn tập phương án PCCC tại chi nhánh Cảng Cái Cui và tại cây xăng của Trung Tâm Logistics- Cảng Sóc Trăng.

c.- Công tác quản lý môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở việc giữ gìn môi trường làm việc trong khu vực công ty, sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát hoang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị.

- Để duy trì sức khỏe và đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động trong đơn vị, hàng năm doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền tổ chức Quan trắc môi trường lao động để thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc theo đúng quy định luật An toàn vệ sinh lao động. Kết quả thu được:

+ Bến Cảng Cái Cui: Qua kết quả quan trắc 02 đợt trong năm 2019, kết luận được rút ra như sau:

Chất lượng không khí xung quanh tại khu vực cảng và công bảo vệ đề có các thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT, 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Chất lượng nước mặt: các thông số quan trắc nước mặt đều đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Chất lượng nước dưới đất: các thông số quan trắc đạt mức cho phép của quy chuẩn Việt Nam 09-MT:2015/BTNMT.

+ Bến Cảng Hoàng Diệu: Qua kết quả quan trắc 02 đợt trong năm 2019, kết luận được rút ra như sau:

Vi khí hậu: Nhiệt độ, Ẩm độ, Tốc độ gió tại thời điểm kiểm tra, nhiệt độ tại các vị trí đo đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT.

Ánh sáng: tại thời điểm kiểm tra, cường độ chiếu sáng tại các vị trí đo đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT.

Tiếng ồn: tại thời điểm kiểm tra, tiếng ồn tại các vị trí đo có 01/04 mẫu vượt quy chuẩn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT.

Nồng độ bụi hô hấp: tại thời điểm kiểm tra, nồng độ bụi hô hấp tại các vị trí đo đều đạt Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.

- Xử lý chất thải nguy hại: Thiết lập các hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

->Kết quả xử lý khắc phục: Cảng Cần Thơ chỉ đạo các đơn vị thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị để làm giảm tiếng ồn, đồng thời trang bị nút tai cho người lao động làm việc tại khu vực có độ ồn cao.

d.- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động

- Năm 2019 thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty tổng cộng 158 người; qua khám sức khỏe định kỳ không phát hiện bệnh nghề nghiệp liên quan đến hoạt động SXKD; (Loại I: 54 người, loại II: 46 người, loại III: 39 người, loại IV: 19).

- Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật thực hiện cho công nhân viên lao động trực tiếp làm công việc ở môi trường nặng nhọc độc hại theo đúng quy định.

- Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức cho người lao động tham gia học tập kết hợp tham quan nghỉ dưỡng và về nguồn tại Phú Quốc - Kiên Giang; Côn Đảo - Bà Rịa Vũng Tàu; Hòn Sơn - Kiên Giang; Giồng Trôm - Bến Tre... Tổ chức buổi tọa đàm Ban lãnh đạo và người lao động Công ty về các chế độ chính sách của tất cả cán bộ công nhân viên Cảng Cần Thơ. Tổ chức giao lưu học hỏi về các chủ đề “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và các buổi giao lưu, vui chơi dã ngoại để tạo tinh thần đoàn kết, chia sẻ và tái tạo sức khỏe cho người lao động sau những ngày làm việc mệt nhọc.

NHỮNG HẠN CHẾ, TỒN TẠI

- Doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ do doanh nghiệp đã bị xếp vào nhóm nợ xấu, công tác xử lý khoản nợ tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Chương Dương liên quan đến dự án xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II còn chậm, kéo dài đến cuối năm 2019 mới xử lý dứt điểm; tuy nhiên, cần thời gian để hệ thống tài chính nâng hạng doanh nghiệp qua đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn có mức lãi suất tốt phục vụ hoạt động SXKD.

- Công tác chuyển đổi chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II vẫn chưa hoàn tất. Cảng Cần Thơ không đủ năng lực tài chính để chứng minh tính khả thi thực hiện dự án, cũng như đề xuất bất cứ điều chỉnh nào về tiến độ dự án để thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ đầu tư dự án (Hiện tại chủ đầu tư trên danh nghĩa trước cơ quan chức năng vẫn là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam). Điều này gây rất nhiều hạn chế cho Cảng Cần Thơ trong quá trình khai thác tài sản được Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giao do yếu tố pháp nhân chủ đầu tư chưa được chuyển từ Tổng Công ty Hàng hải

Việt Nam sang Cảng Cần Thơ; ngoài ra, Cảng Cần Thơ vẫn đang nỗ lực để hạn chế rủi ro bị thu hồi đất do dự án chậm tiến độ khá lâu.

- Việc ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty còn chậm, dẫn đến các phòng chuyên môn còn hạn chế trong xác định đầy đủ các nhiệm vụ và trách nhiệm, cũng như cơ chế phối hợp, báo cáo giữa các phòng chuyên môn và các chi nhánh.

Hoạt động đầu tư trong năm còn triển khai chậm, nhất là đầu tư các trang thiết bị để bổ sung năng lực khai thác của cảng, giảm chi phí thuê ngoài.

Hoạt động triển khai xây dựng bộ tiêu chuẩn BSC-KPI của doanh nghiệp còn triển khai chậm.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I.- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.- Dự báo tình hình kinh tế và thị trường quốc tế

- Ngành cảng biển là ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự phát triển của nền kinh tế và tình hình thương mại thế giới, đặc biệt là Trung Quốc – quốc gia có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất thế giới, trong tương lai gần Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng và lệ thuộc từ nền kinh tế của Trung Quốc.

- Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn chưa kết thúc có thể ảnh hưởng tới thương mại và đầu tư của Việt Nam theo những chiều hướng rất khác nhau, đặc biệt trong lâu dài nhận định có thể một số hàng hóa Việt Nam tận dụng được cơ hội thị trường bị bỏ ngỏ từ các lệnh áp thuế để tăng xuất khẩu vào cả hai nước. Bên cạnh đó, căng thẳng về đầu tư Mỹ - Trung Quốc cũng có thể là cơ hội cho Việt Nam trong thu hút thêm đầu tư từ Mỹ. Tuy nhiên, ở chiều tiêu cực, hàng hóa Trung Quốc khó vào thị trường Mỹ sẽ chuyển hướng sang các thị trường khác. Việt Nam cũng đứng trước nguy cơ nhập siêu trầm trọng hơn từ Trung Quốc trong khi xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc cũng sẽ khó khăn hơn.

- Lạc quan hơn, nhờ các chính sách cải thiện hệ thống pháp luật và cơ sở hạ tầng nhằm thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, theo Drewry dự báo, đến năm 2020 khu vực Đông Nam Á sẽ có tốc độ tăng trưởng sản lượng hàng hóa thông qua cảng bình quân là 6,2%/năm, cao hơn mức 2-3%/năm của thế giới. Trong đó Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao nhất, đạt 9,2%/năm. Xu thế dự báo như sau:

+ Xu hướng “Trung Quốc +1” và việc Trung Quốc đang chuyển hoạt động gia công các ngành công nghiệp giá trị gia tăng thấp sang các nước Đông Nam Á (nguyên vật liệu được mua từ Trung Quốc, sau đó xuất sang các nước Đông Nam Á để sản xuất thành phẩm và sau đó được xuất trở lại các nhà bán lẻ tại Trung Quốc) vẫn sẽ tiếp diễn.

+ Các thị trường đang phát triển tại khu vực Đông Nam Á đang tích cực khuyến khích chính sách thu hút vốn và cải thiện cơ sở hạ tầng nhằm thu hút dòng vốn FDI và thúc đẩy nhu cầu sản xuất công nghiệp.

+ Đông Nam Á đang tích cực đầu tư vào các cảng trung chuyển nước sâu nhằm giảm tình trạng quá tải tại các cảng biển cũng như tăng cường khả năng cạnh tranh, nhờ tiết giảm chi phí và thời gian xuất nhập khẩu hàng hóa.

2.- Dự báo tình hình kinh tế, thị trường trong nước

- Việt Nam đã gia tăng tham gia thị trường quốc tế thông qua các hiệp định thương mại, do đó tổng sản lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng Việt Nam sẽ tăng trưởng theo sự gia tăng của kim ngạch xuất nhập khẩu.

- Các doanh nghiệp FDI tiếp tục được thu hút và phát triển dẫn đến nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu và xuất khẩu thành phẩm sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

- Với sự tham gia của lãnh đạo Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương cùng các doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong và ngoài nước thì khu vực ĐBSCL sẽ tiếp tục chuyên mình trong việc thu hút đầu tư trong năm 2020. Đồng thời, các dự án điện gió Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh sẽ được triển khai trong năm 2020 và các năm tiếp theo là dấu hiệu tích cực để các cảng biển trong khu vực phát triển hoạt động kinh doanh.

3.- Thuận lợi, khó khăn

3.1 Thuận lợi:

- Được sự quan tâm hỗ trợ của các đơn vị hữu quan tại địa phương, nhất là sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh trước mắt và chiến lược phát triển dài hạn của cảng.

- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thường xuyên quan tâm hỗ trợ công tác phối hợp giữa các đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với Cảng Cần Thơ để cùng khai thác thị trường đồng bằng sông Cửu Long; điều này sẽ nâng cao tiềm lực cho các đơn vị trực thuộc Vinalines trong quá trình cạnh tranh với các đối thủ trong vùng trong thời gian tới.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố dự kiến tiếp tục phát triển ổn định.

- Tình hình triển khai Trung tâm logistics hạng II của ĐBSCL tại khu vực Cảng Cái Cui có sự tiến triển tốt. Thành phố Cần Thơ đã thành lập KCN Hữu Nghị Việt Nam - Nhật Bản ngay sau Cảng Cái Cui tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp Nhật bản thiết lập nhà máy sau cảng.

- Một số dự án lớn trong vùng như: dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú, các dự án điện gió Bạc Liêu giai đoạn III, Sóc Trăng, Cà Mau, Duyên Hải,... dự kiến triển khai trong năm 2020.

- Hoạt động gom vét than tại Duyên Hải dự kiến tăng trưởng sản lượng khi các nhà máy đã hoàn thiện việc bàn giao cầu cảng và sửa chữa xong nhà máy.

- Công tác hợp tác đầu tư phát triển hạ tầng và khai thác phương tiện tại cảng tiếp tục được các đối tác quan tâm.

- Thị trường tại Cảng Sóc Trăng còn nhiều dư địa phát triển, dự kiến việc cấm hoạt động xếp dỡ trên sông Dinh sẽ thực hiện trong năm 2020, tạo điều kiện để thu hút hàng hóa về cảng.

3.2.- Khó khăn:

a) Luồng hàng hải vào cảng vẫn bị cạn. Luồng Kênh Quan Chánh Bồ đã công bố cho phép các tàu có mớn nước đến -7,5m ra vào luồng, tuy nhiên hiện tại các tàu 10.000 (đầy tải) – 20.000 DWT (voi tải) hiện vẫn chưa qua được luồng này; trong khi đó hoạt động nạo vét luồng Định An chỉ đảm bảo cho tàu 6.000 dwt đầy tải ra vào cảng.

b) Nguồn hàng về các khu vực khai thác của cảng vẫn suy giảm do nhiều nguyên nhân:

- Các Khu công nghiệp xung quanh cảng như KCN Hưng Phú, KCN Sông Hậu vẫn triển khai chậm; KCN Trà Nóc nằm xa cảng hơn so với Cảng Trà Nóc dẫn đến việc thu hút nguồn hàng về cảng còn hạn chế.

- Hoạt động xuất gạo tiểu ngạch sang Trung Quốc hiện vẫn đang duy trì mức sản lượng thấp; nguồn hàng tại khu vực không có tín hiệu tăng trưởng lớn, phát sinh thêm các bến xếp dỡ nội địa cạnh tranh với các cảng biển dẫn đến áp lực cạnh tranh bốc xếp tại khu vực Vàm Cái Sắn ngày càng lớn.

c) Hệ thống kho tại cảng cơ bản được khai thác ở hiệu suất cao, tuy nhiên quỹ đất được quy hoạch xây dựng kho cơ bản đã hết; hệ thống bãi chưa được đầu tư còn lớn trong khi năng lực đầu tư còn hạn chế;

d) Trang thiết bị xếp dỡ của cảng hầu hết lạc hậu, năng suất thấp, nhất là các trang thiết bị xếp dỡ phục vụ mặt hàng rời tại cảng và bến phao; ngoài ra, thiếu các trang thiết bị chuyên dụng phục vụ xếp dỡ như: cần cuốc (phục vụ dưới hầm tàu) xe nâng, băng chuyền (phục vụ chất xếp hàng trong kho), gàu lớn 08-10m³ (kết hợp với cần cẩu 40 tấn), gàu hoa thị, gàu nam châm điện (để tham gia xếp dỡ các mặt hàng sắt phế liệu tại cảng); ngoài ra, cảng còn thiếu xe cơ giới để chuyên chở hàng hóa từ cầu cảng về kho, bãi tại cảng cũng như kho khách hàng.

d) Thủ tục hành chính liên quan đến các mặt hàng nhập khẩu như phân bón tạm nhập, đóng bao và tái xuất và tạm nhập, đóng bao, xuất vào thị trường nội địa hoặc gạo xuất khẩu trực tiếp bằng tàu biển tại Vàm Cái Sắn chưa được cơ quan chức năng giải quyết linh động, nên gặp khó khăn trong việc lôi kéo hàng hóa xuất nhập khẩu về cảng làm hàng.

II.- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Cảng Cần Thơ phấn đấu xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể:

- Tổng sản lượng: 2.200.000 tấn, so với thực hiện 2019 tăng 9,36%.

- Doanh thu : 126 tỷ đồng, so với thực hiện 2019 tăng 0,79%.

- Lợi nhuận trước thuế: 1,1 tỷ đồng, so với thực hiện 2019 giảm 69,15% (do năm 2020 Cảng Cần Thơ phải trả lãi cho Tổng công ty 3.124 tỷ).

- Nộp ngân sách: Cảng chấp hành đúng các chính sách thuế, nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định của nhà nước.

- Thu nhập lao động b/q/tháng: 8,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 7% so với 2019.

BẢNG SỐ LIỆU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.hiện 2019	Kế hoạch 2020	Tăng trưởng 2020/2019	
					Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG					
1	Hàng thông qua	TTQ	2.011.706	2.200.000	188.294	9,36%
	Trong đó, Container	TEUS	16.770	17.750	980	5,84%
2	Xăng dầu	Lít	983.965	1.222.000	238.035	24,19%
B	TÀI CHÍNH					
1	Doanh thu	Tr.đồng	125.023	126.000	977	0,78%
2	Chi phí	Tr.đồng	121.076	124.900	2.923	2,41%
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	3.947	1.100	-2.847	-72,13%
4	Ebitda	Tr.đồng	20.038	19.923	115	0,57%
C	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	Tr.đồng	9.400	15.000	5.600	59,57%
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	Tr.đồng	1.800	5.500	3.700	205,56%
2	Đầu tư phương tiện, thiết bị	Tr.đồng	7.600	9.500	1.900	25,00%

(Đính kèm Kế hoạch đầu tư năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ)

Năm 2020 nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ sẽ tập trung mọi nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, linh hoạt nắm bắt những cơ hội thuận lợi của thị trường, bám sát các mục tiêu và định hướng phát triển của cảng cũng như của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trên cơ sở bảo đảm hiệu quả, phát triển dịch vụ, mở rộng thị trường, tăng cường sự kết nối, hỗ trợ tương tác các sản phẩm dịch vụ giữa các thành viên trong cùng hệ thống Vinalines gắn với việc không ngừng cải thiện năng suất và chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hình thành các chuỗi dịch vụ khép kín. Tiếp tục đầu tư và đầu tư có chọn lọc về cơ

sở hạ tầng, trang thiết bị, ban hành các quy định chuẩn hóa mọi hoạt động của cảng, nâng cao công tác quản trị rủi ro, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào quản trị và điều hành sản xuất. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng và bố trí sắp xếp nhân sự phù hợp với yêu cầu.

III.- MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2020

Với những mục tiêu được đặt ra trong năm 2020, để tiếp tục nâng cao hiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, Cảng Cần Thơ thực hiện 05 giải pháp cơ bản trong tổng thể nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như sau:

a) Giải pháp quản trị

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty; thúc đẩy ban hành các quy định, quy trình vận hành khai thác cảng kết hợp đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua việc xây dựng và triển khai chỉ tiêu KPI và BSC của doanh nghiệp.

- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc:

+ Cải thiện môi trường làm việc theo hướng an toàn, khoa học; quan tâm nâng cao thu nhập, chế độ, chính sách đãi ngộ cho người lao động, nhất là các lao động chất lượng cao; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì công ty và cho xã hội.

+ Xây dựng bộ tiêu chí ứng xử của người lao động trong quá trình làm việc, giao tiếp với khách hàng tại cảng và đến làm việc với khách hàng nhằm tạo ấn tượng về hình ảnh của cảng; thực hiện mục tiêu “*Mỗi người lao động là một nhà tiếp thị của công ty*”.

+ Đưa các tiêu chuẩn giá trị cốt lõi: “*Kỷ luật, tận tâm, chuyên nghiệp, sáng tạo, đồng lòng*” vào các đánh giá chất lượng nguồn lao động của doanh nghiệp hàng tháng, quý năm. Định kỳ tổ chức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành các tiêu chí đánh giá nêu trên.

+ Thường xuyên tuyên truyền các giá trị văn hóa doanh nghiệp: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi,... đến mọi cán bộ, công nhân viên trong công ty và các đối tác, khách hàng của cảng thông qua nhiều hình thức như sổ tay, bản tin, brochure, website, các buổi Team-building, các hội thi thể thao, sáng tác,...

b) Giải pháp về kinh doanh - khai thác

- Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Xác định nhóm các mặt hàng, khách hàng chủ lực có sản lượng lớn có nhu cầu sử dụng dịch vụ cảng để tập trung khai thác, xây dựng chính sách linh hoạt về giá cả với từng khách hàng tại từng khu vực khai thác để giữ vững thị phần; tập trung vào nhóm hàng có giá trị cao như thiết bị, container, phân bón, than đá, sắt thép, gạo xuất khẩu,....

- Khai thác hiệu quả tài sản: hệ thống kho, bãi, văn phòng và trang thiết bị xấp dỡ của doanh nghiệp để tạo nguồn doanh thu ổn định cho đơn vị. Tiếp tục triển khai chính

sách hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các đối tác để đầu tư kho, bãi. Xây dựng phương án khai thác dài hạn các phần đất tại vị trí thuận lợi, có giá trị thương mại cao như phần đất mặt tiền Cảng Hoàng Diệu nhằm mang lại nguồn doanh thu lớn hơn cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường công tác điều chuyên, tăng cường phương tiện thiết bị giữa các chi nhánh nhằm tận dụng tối đa năng lực phương tiện thiết bị.

- Phát huy hiệu quả các chương trình hợp tác với hãng tàu Vietsun như khai thác depot container tại Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và các khu vực tiềm năng khác để duy trì chuỗi dịch vụ container thông qua cảng; hợp tác khai thác cần cẩu chân đế 40 tấn tại Cảng Cái Cui.

- Phát triển mảng dịch vụ logistics của Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng nhằm hỗ trợ các cảng mở rộng chuỗi dịch vụ; trước mắt tập trung vào việc liên doanh liên kết khai thác dịch vụ vận tải đường bộ và đường thủy nội địa để bước đầu xây dựng thị trường trong điều kiện cảng chưa thể đầu tư đủ phương tiện vận tải.

- Tiếp tục phát triển mảng dịch vụ kinh doanh xăng dầu, nhớt, dịch vụ hàng hải; phát triển tại khu vực Cảng Sóc Trăng và mở rộng cung cấp dịch vụ các tại khu vực khai thác của cảng.

- Phát triển các dịch vụ mới cung cấp các sản phẩm thương mại có liên quan đến hoạt động của cảng như công cụ dụng cụ xếp dỡ.

- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, xây dựng hệ thống thu thập, quản lý thông tin về khách hàng và các chuỗi logistics thông qua cảng và khu vực để tìm cách tiếp cận, tham gia cung cấp dịch vụ;

- Xây dựng đội Sales container của cảng kết hợp với các hãng tàu, forwarder để phát huy tối ưu lợi thế của việc hợp tác theo chuỗi để tiếp cận khách hàng

- Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để thiết lập các chuỗi dịch vụ khép kín cho hàng hoá giao dịch tuyến vận tải Bắc – Nam mà nguồn hàng hoá thương mại có điểm đến và đi từ cảng Cần Thơ nói riêng và ĐBSCL nói chung.

- Tiếp tục triển khai tiếp thị để cung cấp các dịch vụ mới tại các bến cảng như: Dịch vụ đóng bao hàng rời, dịch vụ nhận uỷ thác giao nhận hàng hóa gửi kho cảng, từng bước đàm phán với khách hàng để cung cấp các dịch vụ tại kho cảng mà trước đây cảng không đủ điều kiện thực hiện, khách hàng tự làm.

- Xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và mở rộng thị trường dịch vụ tại các địa bàn Duyên Hải Trà Vinh, Cảng Sóc Trăng và dịch vụ chuyển tải tại các khu vực khác.

- Tiếp tục phát huy thương hiệu trung tâm phân bón của Cảng Hoàng Diệu để tập trung tiếp thị khách hàng, xây dựng chuỗi dịch vụ tối ưu nhằm phát triển thành tổng kho phân bón phân phối cho toàn khu vực và gia công đóng bao tái xuất đi Campuchia.

- Tích cực tiếp thị, củng cố năng lực của đơn vị để tham gia đấu thầu hoặc cung cấp dịch vụ tại các nhà máy, công trình lớn trong khu vực ĐBSCL và cả nước. cung cấp dịch vụ phục vụ các công trình ngoài cảng, nhất là các dịch vụ tại các dự án, công trình lớn trên địa bàn.

c) Giải pháp nguồn nhân lực

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Xác định con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp theo từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch về nhu cầu lao động phù hợp, xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng lao động theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, chuyên ngành để nâng cao hiệu quả và chất lượng thích nghi với đòi hỏi của môi trường cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng cao.

- Tinh giản bộ máy quản lý đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển cảng, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc.

- Làm tốt công tác đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ, công nhân viên; gắn việc trả công với năng suất, chất lượng lao động; thường xuyên rà soát nhu cầu, đánh giá trình độ lao động tại các đơn vị để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

- Tiếp tục đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ lao động, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu công việc và sự phát triển của công ty; trong đó, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ nhất là bộ phận kinh doanh, khai thác và chăm sóc khách hàng.

d) Giải pháp về tài chính

- Thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu tại thị trường chứng khoán để bổ sung nguồn vốn phục vụ việc hoàn trả khoản nợ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam liên quan đến xử lý nợ tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương và có thêm nguồn vốn để đầu tư hoàn thiện hạ tầng và trang thiết bị xếp dỡ tại cảng.

- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.

e) Giải pháp về đầu tư

- Phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để xây dựng giải pháp chuyển đổi chủ đầu tư Dự án xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục đầu tư xây dựng hoặc hợp tác đầu tư với đối tác có dự án phù hợp tại phần đất này.

- Tiếp tục tiếp thị, mời gọi các đối tác, khách hàng tham gia hợp tác đầu tư kho, bãi tại Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui để tạo chân hàng ổn định sau cảng; nhất là theo dõi sát để hợp tác đầu tư mở rộng tại phân đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui nằm trong phân diện tích quy hoạch Trung tâm logistics cấp II 242,4ha của Thành phố Cần Thơ.

- Tiếp tục tham gia đấu giá thuê phần diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng để thực hiện việc hoàn thiện các giấy chứng nhận đăng kiểm phương tiện, tài sản, kế hoạch PCCC kho.

- Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.

- Chọn lọc các hạng mục ưu tiên đầu tư để đầu tư từ nguồn vốn còn lại của doanh nghiệp theo nguyên tắc các hạng mục đầu tư bảo đảm hiệu quả và đưa vào khai thác tạo được nguồn thu sớm nhất.

Trên đây là báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Phương

BẢNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-CCT ngày 11/6/2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ)

TT	Tên dự án	Quy mô/Mô tả dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Tiến độ		Khối lượng giá trị thực hiện năm 2019		Kế hoạch thực hiện dự án trong năm 2020				Ghi chú
					Khởi công	Hoàn thành	Khối lượng	Giá trị	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Dự án chuyển tiếp từ năm 2019 => 2020 (1.1+1.2)		9.500										
1	Dự án đầu tư XDCB		5.500										
	Đầu tư mua lại kho hàng tổng hợp số 7 tại chi nhánh Cảng Cái Cui	Nâng cao năng lực lưu kho bãi chứa hàng của công ty	5.500	Vốn tự có						X			
2	Dự án mua sắm thiết bị		4.000										
	Mua 01 cần cầu (đã qua sử dụng) sức nâng 60- 90 tấn.	Giảm chi phí thuê ngoài, phục vụ nhu cầu bốc xếp hàng rời (Clinker , cát, đá xây dựng...)	4.000	Vốn thuê bao tài chính						X			
II	Dự án đầu tư năm 2020 (2.1+2.2+2.3)		5.500										
1	Dự án mua sắm thiết bị		5.000										
1.1	Hệ thống điện cầu tàu tại Cảng Cái Cui	Hoàn thiện hệ thống điện theo thiết kế	1.700	Vốn tự có						X			
1.2	Dự án đầu tư 01 xe cuốc; Dung tích gàu từ 0,5m3 đến 0,7m3	Phục vụ làm hàng và gom vét hàng rời	600	Vốn tự có								X	
1.3	Đóng mới 01 gàu ngoạm điều khiển tự động 10m3	Nâng cao năng lực xếp dỡ	500	Vốn tự có								X	

1.4	Mua 02 xe nâng có sức nâng 2,5 - 3 tấn (loại đã qua sử dụng)	Mục tiêu lấy lại các dịch vụ bốc xếp các mặt hàng bao trong kho	1.000	Vốn tự có								X		
1.5	Hệ thống điện cầu tàu tại Cảng Hoàng Diệu	Hoàn thiện hệ thống điện theo thiết kế	1.200	Vốn tự có							X			
2	Đầu tư Công nghệ thông tin		500											
	Đầu tư máy chủ server	Vận hành các phần mềm (PL-FS, PL-COS, PL-CEM) và văn phòng điện tử online office	500	Vốn tự có										
Tổng cộng (1+2)			15.000											

BÁO CÁO

Về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần
Cảng Cần Thơ.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ về việc phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 2) ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Cảng Cần Thơ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua như sau:

I. Đặc điểm tình hình và kết quả hoạt động của Cảng Cần Thơ trong năm 2019:

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Cảng Cần Thơ tuy chưa đạt được lợi nhuận như kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận có lãi, cụ thể như:

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ năm 2019 có sự tăng trưởng so với năm 2018 (tăng 18,87%) trong bối cảnh doanh nghiệp gặp cạnh tranh mạnh về thị trường và sự dịch chuyển các mặt hàng chủ lực của cảng. Sản lượng hàng hóa thông qua các bến cảng biển trực thuộc Công ty có sự tăng trưởng tốt, nhất là tại bến Cảng Cái Cui. Thị trường sản lượng tại Vàm Cái Sắn tiếp tục gặp nhiều khó khăn đối với mặt hàng gạo,

clinker; tuy nhiên, mặt hàng gỗ lóng nhập khẩu đã phát triển trở lại với sản lượng khá ổn định đã bù đắp được sản lượng thiếu hụt do yếu tố thị trường và cạnh tranh. Sản lượng hàng hóa thông qua bến Cảng Sóc Trăng tiếp tục tăng trưởng tốt so với năm 2018.

Cơ cấu hàng hóa đều có sự tăng trưởng tốt, nhất là các mặt hàng chủ lực. Nhiều mặt hàng chủ lực của cảng có sự tăng trưởng tốt như container, clinker, phân bón, than đá và sắt thép; tuy nhiên, một số mặt hàng có sự suy giảm mạnh như hàng nông sản (tại Vàm Cái Sắn), thức ăn gia súc (tại Cảng Hoàng Diệu) và vật liệu xây dựng (tại Cảng Cái Cui) do các yếu tố thị trường (hàng hóa suy giảm, khách hàng di dời kho) và môi trường. Trước tình hình trên, Cảng Cần Thơ nỗ lực tiếp thị, duy trì thị phần đối với các mặt hàng truyền thống của cảng; đeo bám và phát triển các mặt hàng có giá trị dịch vụ cao như hàng phân bón, sắt thép, container; đồng thời, phát triển các cung cấp các dịch vụ chuỗi logistics đến khách hàng để tạo nguồn doanh thu mới, bù đắp sự thiếu hụt doanh thu từ sản lượng suy giảm; đồng thời rà soát tiết giảm các mặt hàng có sản lượng thông qua thấp nhưng sử dụng cơ sở hạ tầng kho, bãi nhiều.

1.2. Trước tình hình đó những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã tập trung giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ, kịp thời có các chỉ đạo, quyết định đối với các đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc để hỗ trợ, định hướng Ban Điều hành thực hiện các giải pháp tháo gỡ các khó khăn hiện tại và giúp Cảng Cần Thơ từng bước phát triển, cụ thể như sau:

- Những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã thống nhất thông qua và phê duyệt dự án đầu tư: Mua 01 cần cẩu có sức nâng 60-90 tấn; Đang triển khai đóng mới sàn lan mặt bằng 400-600 tấn; Đầu tư hệ thống PCCC cầu tàu số 1, 2 và thẩm định hệ thống PCCC các kho. Liên kết hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam xây dựng 01 kho hàng có diện tích 3.007 m² tại Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu.

- Công tác đầu tư trong năm 2019 của Công ty chưa thực hiện đúng như kế hoạch đề ra do Công ty vẫn còn bị xếp vào nhóm nợ xấu, Cảng Cần Thơ không thể tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị để phát triển sản xuất kinh doanh còn nhiều hạn chế. Đến ngày 31/12/2019 Cảng Cần Thơ đã hoàn thành công tác tái cơ cấu nợ với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương, đây là cơ sở để Cảng Cần Thơ có thể tiếp cận nhiều nguồn vốn cho hoạt động phát triển nguồn lực tài chính những năm tiếp theo.

- Công tác thị trường, khách hàng: những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã phân công các thành viên Hội đồng quản trị tăng cường hỗ trợ Ban điều hành phát triển kinh doanh tại Khu vực Vàm Cái Sắn, Duyên hải Trà Vinh. Chỉ đạo các phòng chức năng tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng nhất là khách hàng các mặt hàng chủ lực của cảng như gạo, than đá, clinker, phân bón, phế liệu, container, vật liệu xây dựng. Chú trọng đến chính sách giá và chính sách chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, mở rộng tìm kiếm thị trường trong đó có thị trường tại Sóc Trăng tiếp thị được các khách hàng phân bón, thiết bị công trình và mặt hàng siêu trường, siêu trọng thông qua

cảng. Khảo sát thị trường hàng container và tìm kiếm vị trí thiết lập bến thủy nội địa tại tỉnh Đồng Tháp khai thác hàng container tại thị trường Thốt Nốt, An Giang, Đồng Tháp.

- Công tác đầu tư ra bên ngoài: Những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã chỉ đạo Người đại diện của Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn (Cảng Cần Thơ chiếm 50% vốn điều lệ) hoàn thành công tác chuyển đổi tên người đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn từ ông Phan Thành Tiến sang ông Nguyễn Văn Phương. Năm 2109, hoạt động đầu tư của Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn đã đem về cho Cảng Cần Thơ 1.172.522.218 đồng/số vốn góp 4.497.251.573 đồng.

- Công tác tổ chức, nhân sự: Đây là công tác rất quan trọng, quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Trong năm 2019, Những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã thống nhất phê duyệt phương án tái cấu trúc các phòng chức năng thuộc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau:

+ Tách phòng Tổng hợp thành 03 phòng chức năng: Phòng Kinh doanh khai thác, Phòng Nhân sự, Phòng Kỹ thuật. Cơ cấu bộ máy tổ chức mới gồm 04 phòng: Phòng Kinh doanh Khai thác, Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Kỹ thuật, Phòng Tài chính kế toán. Điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Cái Cui tại thời điểm 31/12/2019. Trên cơ sở đánh giá các kết quả đã đạt được của công tác giải thể chi nhánh Cảng Cái Cui tiếp tục thực hiện điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Hoàng Diệu tại thời điểm 31/12/2020.

+ Trong năm 2019, những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã thực hiện đánh giá, lựa chọn quy hoạch 19 cán bộ vào các vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng, Trưởng-Phó phòng, Giám đốc, Phó Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc giai đoạn 2021-2026.

+ Nhằm cập nhật, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ khai thác cảng biển cho cấp quản lý, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trực tiếp sản xuất. Năm 2019, Cảng Cần Thơ đã tổ chức và cử cán bộ tham gia 12 khóa đào tạo bồi dưỡng lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và đào tạo nghiệp vụ nâng cao.

- Về công tác tiền lương: Tổng quỹ lương kế hoạch của năm 2019 là 17,032 tỷ đồng, quỹ tiền lương thực hiện là 17 tỷ đồng, hoàn thành 99,81% kế hoạch. Thu nhập bình quân kế hoạch của người lao động là 8 triệu đồng/người/tháng, Tiền lương thực hiện là 8,2 triệu đồng/người/tháng, đạt kế hoạch 102,5% kế hoạch, tăng 17,14 % so với năm 2018.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động khai thác cảng: Đưa các phần mềm Công nghệ thông tin vào quản lý khai thác Cảng. Đồng bộ và phát huy tính hiệu quả của các phần mềm quản lý khai thác Cảng nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản lý, khai thác cảng của Cảng Cần Thơ tuân theo một quy trình chuẩn; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khai thác đồng bộ, trích xuất nhanh chóng, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác báo cáo, quản trị, điều hành của Cảng Cần Thơ.

2. Một số công tác khác

- Công tác báo cáo Tổng công ty theo quy định tại Quy chế quản lý và hoạt động Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác và các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty: Những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

- Ngày 31/12/2019 Cảng Cần Thơ đã hoàn thành công tác tái cơ cấu nợ với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương.

- Công tác pháp chế: Tham gia tố tụng tại tòa án thu hồi nợ dứt điểm 03 khách hàng thu hồi dứt điểm số nợ 1.336.000.000 đồng, gồm Công ty Cổ phần Vận tải liên Hiệp Huy Hoàng: 1.072.000.000 đồng; Công ty Cổ phần Vận tải thương mại Dịch vụ Hoa Lư: 114.401.692 đồng; Công Ty TNHH Xây Dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn: 150.000.000 đồng.

Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 của Cảng Cần Thơ còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên với sự cố gắng, của tập thể quản lý, người lao động Cảng Cần Thơ, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 của Cảng Cần Thơ đã đạt được kết quả khích lệ dù chưa đạt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, cụ thể như sau:

**Bảng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019
của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	KH năm 2019	TH năm 2019	SS TH năm 2019 với TH năm 2018		SS TH năm 2019 với KH 2019
						Giá trị	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng	Tấn	1.692.340	2.076.400	2.011.706	319.366	18,87	96,88
	Trong đó Container	TEUs	12.792	15.145	16.770	3.978	31,10	110,73
2	Doanh thu	Tỷ đồng	98,973	119	125,023	26,05	26,32	105,06
3	LNTT	Tỷ đồng	110	5,00	3,946	3,836	3487,27	78920

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ năm 2019.

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2019.

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tiến hành tổ chức 17 cuộc họp, ban hành 23 Nghị quyết và 23 Quyết định. Thông qua nhiều nội dung quan trọng sau: Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 và trình ĐHCĐ; thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2019; lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2019 theo sự ủy quyền của HĐQT. Các chủ trương đầu tư mua sắm thiết bị, hoạch định nguồn nhân lực, điều động bổ nhiệm cán bộ kịp thời nhằm mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

Các phiên họp của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ trong năm 2019 được tổ chức theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Cần Thơ và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành (Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2019 tại Báo cáo thường niên năm 2019 của Cảng Cần Thơ đã đăng tải trên website của Công ty).

2. Kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2019.

Số lượng thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2019

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm thành viên HĐQT
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	- Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/3/2015. - Chủ tịch HĐQT từ ngày 14/4/2017.
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT	14/4/2017
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	25/3/2015
4	Phan Công Đức	Thành viên HĐQT	25/3/2015

Trong năm 2019, các thành viên đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của HĐQT vì lợi ích cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Ban hành kế hoạch chương trình hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành

viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Thông báo, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công tác đối ngoại của HĐQT. Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Chỉ đạo công tác tái cơ cấu tài chính, phương án tăng vốn để giảm áp lực tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư trong tương lai. Xây dựng tốt đời sống văn hóa tinh thần. Đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động. Hỗ trợ Ban điều hành trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao.

+ Thành viên HĐQT chuyên trách đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành, có những đóng góp tích cực trong quá trình hỗ trợ Ban điều hành trong công tác thị trường, khách hàng, quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt, các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các chi nhánh. Thực hiện rà soát chỉnh sửa các quy chế, quy định nội bộ phù hợp các văn bản pháp luật ban hành. Giám sát và chỉ đạo các vấn đề có liên quan kiểm soát, quản trị nội bộ.

+ Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Trực tiếp phụ trách, theo dõi, chỉ đạo, kết hợp với Ban điều hành tham mưu cho HĐQT các chiến lược về công tác sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường, khách hàng. Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo thực hiện quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Tìm kiếm đối tác không ngừng hợp tác đầu tư đưa phương tiện, thiết bị vào hoạt động sản xuất kinh doanh giảm chi phí thuê phương tiện ngoài. Thực hiện công tác tái cơ cấu nợ, phương án tăng vốn để giảm áp lực tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư trong tương lai, đưa ra các chính sách đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản theo đúng quy định nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

3. Thù lao/lương của các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương năm 2019 (đồng)
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	312.000.000
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên	288.000.000
3	Phan Công Đức	Thành viên	264.000.000
4	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	264.000.000
Tổng cộng			1.228.000.000

III. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành Cảng Cần Thơ năm 2019

- Trước những khó khăn và thách thức về mọi mặt hoạt động, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ trong năm 2019 đã vô cùng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu đề ra, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Tại các cuộc họp giao ban, Ban giám đốc Công ty Cảng Cần Thơ đã mời các Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách phụ trách các chi nhánh cùng tham dự để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh, cùng nhau thảo luận để đưa ra các phương án xử lý những tình huống khó khăn, bất lợi của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các chi nhánh hoạt động ổn định.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Cảng Cần Thơ tuy chưa đạt được chỉ tiêu lợi nhuận đã đề ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận có lãi. Với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, Cảng Cần Thơ tập trung vào các mặt hàng có sản lượng lớn, Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh trước tình hình cạnh tranh của các đơn vị cảng biển ngày càng gay gắt. Tìm kiếm và ký hợp đồng với các khách hàng mới nhằm bù đắp các mặt hàng bị giảm sản lượng, các chính sách đẩy mạnh công tác marketing, xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng đã giúp công ty có những bước phát triển phát triển thị trường khu vực Sóc Trăng – Duyên Hải và An Giang. Tăng cường quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Hoàn thành việc tái cơ cấu tài chính để phát triển. Xây dựng tốt đời sống văn hóa tinh thần. Đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động

- Trong năm 2019, trước tình hình tài chính của Công ty còn nhiều hạn chế, Công ty đã chủ động kêu gọi hợp tác đầu tư nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị của đơn vị, công tác đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cũng được Ban giám đốc Công ty quan tâm kịp thời cung cấp thiết bị phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, Cảng Cần Thơ luôn quan tâm đến các chính sách nhân sự nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao, chế độ khen thưởng kịp thời để giữ chân người lao động, các khoản lương, thưởng, phụ cấp trong năm được đảm bảo đầy đủ, công tác hoạch định nguồn nhân lực đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn cho cán bộ công nhân viên được thực hiện nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

- Tổng kết năm 2019, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cảng Cần Thơ đã đạt được những kết quả nhất định, mức lợi nhuận đã tăng trở lại, các mục tiêu được hoàn thành theo đúng định hướng đặt ra, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các chính sách quản trị kịp thời, hỗ trợ và tháo gỡ nhanh chóng các vấn đề tồn đọng. Đây chính là những động lực để Cảng Cần Thơ có những điều kiện thuận lợi phát triển trong những năm tiếp theo.

- Trong năm qua, Ban điều hành Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 đề ra. Ban điều hành Công ty Công ty luôn quan tâm đến công tác quản trị nội bộ, công tác đối ngoại, giám sát tình hình thực hiện và chỉ đạo kịp thời từng trường hợp, từng thời điểm, báo cáo, đưa ra các đề xuất quản trị quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế tối đa những bất lợi ảnh hưởng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

IV. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2020.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế năm 2019, các nguồn lực nội tại của Cảng Cần Thơ, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ xây dựng các kế hoạch, chiến lược, giải pháp để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Cảng Cần Thơ hoàn thành các chỉ tiêu như sau:

- Sản lượng thông qua : 2.200.000 tấn.
- Doanh thu : 126 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 1,1 tỷ đồng.

1. Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tập trung vào nhóm hàng chủ lực như thiết bị, container, phân bón, than đá, sắt thép, gạo xuất khẩu,....

2. Chỉ đạo thực hiện khai thác hiệu quả tài sản: hệ thống kho, bãi, văn phòng và trang thiết bị xếp dỡ của doanh nghiệp để tạo nguồn doanh thu ổn định. Tiếp tục triển khai chính sách hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các đối tác để đầu tư kho, bãi.

3. Triển khai các chương trình hợp tác với hãng tàu Vietsun như khai thác depot container tại các Chi nhánh để hình thành các chuỗi dịch vụ container thông qua cảng; hợp tác khai thác các phương tiện thiết bị.

4. Phát triển các dịch vụ mới. Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị;

- Xây dựng đội Sales container để phát huy tối ưu lợi thế của việc hợp tác theo chuỗi để tiếp cận khách hàng

5. Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để thiết lập các chuỗi dịch vụ khép kín.

- Kêu gọi các nhà đầu tư bằng hình thức hợp tác, phát triển hạ tầng sản xuất kinh doanh với mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, tăng năng lực và thị phần khai thác mới nhằm tăng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của Cảng Cần Thơ.

6. Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng thiết bị, hạ tầng. Cải thiện năng suất khai thác, tăng sức cạnh tranh để thỏa mãn nhu cầu khách hàng, tăng uy tín, thương hiệu của Cảng Cần Thơ

7. Rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Cảng Cần Thơ. Đảm bảo các quy chế, quy định, quy trình tác nghiệp đã ban hành của Cảng Cần Thơ phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Cảng Cần Thơ, giúp cho mọi hoạt động của Cảng Cần Thơ luôn chặt chẽ, theo một quy trình đồng nhất, có phân cấp, phân công cụ thể, rõ ràng, được triển khai thực hiện nhanh chóng, chính xác, chuyên nghiệp, đạt hiệu quả cao và có cơ chế giám sát, đánh giá, xử lý nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu của Cảng Cần Thơ với đối tác, khách hàng.

8. Đưa các phần mềm Công nghệ thông tin vào quản lý khai thác Cảng. Đồng bộ và phát huy tính hiệu quả của các phần mềm quản lý khai thác Cảng nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản lý, khai thác cảng của Cảng Cần Thơ tuân theo một quy trình chuẩn; Xây

dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khai thác đồng bộ, trích xuất nhanh chóng, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác báo cáo, quản trị, điều hành của Cảng Cần Thơ.

9. Trên cơ sở kết quả thực hiện giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui, thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Cái Cui, sẽ tiếp tục thực hiện điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu, thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Hoàng Diệu trong 06 tháng cuối năm 2020.

10. Xây dựng hệ thống tổ chức và đánh giá hiệu quả công việc KPI nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.

11. Thực hiện tốt công tác đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ, công nhân viên để có biện pháp điều chỉnh phù hợp. Rà soát, sắp xếp lại lao động, tổ chức đào tạo, đào tạo lại các vị trí chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Tổ chức tuyển dụng, luân chuyển cán bộ để tăng cường nhân sự cho các bộ phận đang thiếu nhân lực.

12. Tăng cường các giải pháp quản lý tài chính; chi phí. Giảm tình trạng nợ xấu, khó đòi, chiếm dụng vốn. Quản lý các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả, tối ưu, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

13. Thực hiện phát hành thêm cổ phiếu tại thị trường chứng khoán để bổ sung nguồn vốn phục vụ việc hoàn trả khoản nợ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam liên quan đến xử lý nợ tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương và có thêm nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị xếp dỡ của cảng trong thời gian tới.

14. Xây dựng các giải pháp tối ưu để nâng cao chất lượng dịch vụ, hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh cho Công ty.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.

15. Tiếp tục kêu gọi hợp tác đầu tư kho, bãi, hợp tác đầu tư mở rộng tại phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui nằm trong phần diện tích quy hoạch Trung tâm logistics cấp II 242,4ha của Thành phố Cần Thơ để mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục tham gia đấu giá thuê phần diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi.

16. Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.

17. Từng bước xây dựng tạo văn hóa doanh nghiệp riêng của đơn vị khẳng định thương hiệu, giá trị của Cảng Cần Thơ đối với khách hàng.

- Từng bước nâng cao quản trị chất lượng nội bộ, nghiên cứu và xây dựng các tiêu chuẩn ISO trong điều hành, sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng quản trị, phong cách phục vụ khách hàng ngày một chuyên nghiệp, tạo ra phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp.

Trên đây là nội dung kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Cảng Cần Thơ xem xét, thông qua.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng, gắn bó với Cảng Cần Thơ trong thời gian qua. Cảm ơn Ban điều hành, tập thể quản lý và người lao động Cảng Cần Thơ đã phối hợp, sát cánh cùng Hội đồng quản trị hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Bước qua năm 2020, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục cùng với Ban điều hành và tập thể người lao động phấn đấu hết sức mình để hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Xin kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Cảng Cần Thơ thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ)

Lâm Tiến Dũng

BÁO CÁO
Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020
và định hướng hoạt động 2020-2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần
Cảng Cần Thơ.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ về việc phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 2) ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Cảng Cần Thơ) báo cáo Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua như sau:

I. Báo cáo Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020

Giai đoạn 2015 - 2019, nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phục hồi, tuy nhiên tốc độ phục hồi chậm hơn kỳ vọng trong bối cảnh thương mại toàn cầu tăng trưởng thấp đã ảnh hưởng đến ngành kinh tế vận tải biển. Là 01 đơn vị cảng biển, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thật sự trải qua nhiều khó khăn thử thách, vừa ổn định tổ chức sau khi sáp nhập, lại vừa tiến hành thực hiện công tác cổ phần hóa, tái cơ cấu trong quỹ thời gian quá ngắn (Tháng 12/2013 tiến hành sáp nhập 02 Cảng Cần Thơ và Cảng Cái Cui thành Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ theo Quyết định 289/QĐ-HHVN ngày 19/06/2013. Đến

tháng 04/2014 xây dựng phương án cổ phần hóa theo Quyết định 652/QĐ-HHVN ngày 28/11/2014, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/4/2015, ngày 14/4/2017 Cảng Cần Thơ tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu, ngày 31/12/2019 Cảng Cần Thơ tiếp tục sắp xếp lại mô hình tổ chức). Mặt khác, công tác nạo vét luồng Định An, dự án kênh Quan Chánh Bó được hoàn thành cuối năm 2016 theo thiết kế sẽ khai thông ách tắc cho tuyến lưu thông đường thủy quan trọng nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long, các tàu có tải trọng 10.000 - 20.000 DWT có thể cập bến, tuy nhiên dự án cũng chưa hoàn thiện, hiện nay Cảng chỉ có thể tiếp nhận tàu 3.000 – 5.000 DWT làm hàng, đa phần là xà lan có tải trọng <3.000 DWT vào làm hàng, dẫn đến Cảng không phát huy hết vai trò cảng biển.

Các khu công nghiệp lân cận chậm phát triển, giao thông đường bộ kết nối Cảng với các khu công nghiệp, khu chế xuất, còn bị hạn chế dẫn đến lượng hàng hóa xuất nhập khẩu trực tiếp qua cảng rất thấp.

Phương tiện thiết bị chủ lực chưa được đầu tư đồng bộ, cũng làm ảnh hưởng tới năng suất xếp dỡ. Tình trạng thiếu công nhân bốc xếp thủ công hiện nay là trở ngại lớn cho sản xuất, ảnh hưởng đến năng xuất lao động và việc tăng ca, tăng kíp. Công nhân mới vào nghề còn yếu về kỹ thuật và thiếu kinh nghiệm xếp dỡ điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Trước thực trạng trên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên đã đoàn kết, khắc phục khó khăn từng bước ổn định bộ máy sản xuất kinh, tìm kiếm những khách hàng mới, các phương thức mới thu hút khách hàng, tăng cường đầu tư và hợp tác kinh doanh để đầu tư cơ sở hạ tầng thiết bị, tăng năng suất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Đầu tư các phần mềm quản lý, phát triển nguồn nhân lực để kịp thời đưa ra các quyết định, chiến lược phát triển kinh doanh theo từng thời kỳ, quản trị nguồn nhân lực có chuyên môn cao để đáp ứng yêu cầu công việc.

II. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ từ năm 2015-2019

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/4/2015. Với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã cùng nhau bàn bạc, thảo luận, quyết định đưa ra nhiều giải pháp, kế hoạch nhằm kiện toàn bộ máy tổ chức; sắp xếp, bố trí lại lực lượng lao động hợp lý; xem xét và phê duyệt các quy chế nội bộ của Cảng Cần Thơ làm cho bộ máy tổ chức của Cảng Cần Thơ hoạt động hiệu quả hơn.

Giai đoạn từ năm 2015-2017, thực hiện công tác cổ phần hóa, tái cơ cấu bộ máy, từng bước ổn định thị trường, nghiên cứu đa dạng hóa các dịch vụ và xây dựng chuỗi dịch vụ trọn gói nhằm khai thác tối đa diện tích kho, bãi hiện có, cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh, cố gắng duy trì và ngăn chặn sự suy giảm tại các thị trường truyền thống, thực hiện điều phối hợp lý nguồn nhân lực, phương tiện giữa các chi nhánh để nâng cao hiệu

quả khai thác thiết bị và nâng cao hoạt động của từng chi nhánh. Tham gia tham gia các cuộc họp chuyên đề của Ban Tổng Giám đốc, triển khai thực hiện các biện pháp nhằm tiết kiệm chi phí, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị nhằm cải thiện tình hình sản xuất kinh doanh của Cảng cần Thơ; làm việc với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) nhằm tái cơ cấu khoản nợ vay tại Vietinbank - Chi nhánh Chương Dương để đầu tư dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 giúp giảm áp lực tài chính cho Cảng cần Thơ.

Giai đoạn 2018-2019, ổn định thị trường, phân công các thành viên Hội đồng quản trị hỗ trợ ban điều hành tìm kiếm mở rộng thị trường, đa dạng hóa các dịch vụ và các chuỗi dịch vụ trọn gói, đầu tư trang thiết bị, phần mềm quản lý, khai thác cảng, nhằm kịp thời đưa ra các chiến lược kinh doanh mới phù hợp với sự biến động của thị trường. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu và hoàn thành bước 2 vào 12/2019. Với sự nỗ lực của tập thể Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và người lao động Cảng Cần Thơ, Cảng Cần Thơ đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015- 2019 với kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2015 (*)	TH năm 2016	TH năm 2017	TH năm 2018	TH năm 2019
1	Sản lượng Trong đó: Container	Tấn	2.933.948	2.075.838	1.923.664	1.692.340	2.011.706
		Teu	25.649	19.366	12.703	12.792	16.770
2	Doanh thu	Tỷ đồng	110,205	92,793	101,766	98,973	125,023
3	LNTT	Tỷ đồng	1,077	(12,973)	0,088	0,11	3,946
4	Tiền lương bình quân	Người/tr.đồng g/tháng	8,5	6,1	7,5	7,0	8,2

(*) Kết quả sản xuất kinh doanh từ 01/04/2015 đến 31/12/2015.

III. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025

Trong giai đoạn 2020-2025, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tập trung nguồn lực triển khai quyết liệt phương án tăng vốn Công ty; hoàn thành phương án tái cơ cấu mô hình hoạt động của Công ty; hợp tác, đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, máy móc phương tiện thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh; phát triển sản xuất kinh doanh theo định hướng hiệu quả và bền vững; tăng cường công tác quản lý, kiểm soát nợ xấu; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động.

1. Một số định hướng giai đoạn 2020-2025

- **Phương án tăng vốn Công ty:** thực hiện quyết liệt phương án tăng vốn để giảm áp lực tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư trong tương lai, đây là nhiệm vụ quan trọng trong tình hình tài chính của Công ty còn gặp nhiều khó khăn sau khi hoàn thành công tác tái cơ cấu nợ với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương.

- **Hoàn thành phương án tái cơ cấu mô hình hoạt động của Công ty:** Trên cơ sở đánh giá các kết quả đã đạt được của công tác giải thể chi nhánh Cảng Cái Cui tiếp tục thực hiện điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Hoàng Diệu tại thời điểm 31/12/2020, nhanh chóng sắp xếp, ổn định nhân sự lao động để tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng cao vai trò lãnh đạo của Công ty mẹ.

- **Hợp tác, đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, máy móc phương tiện thiết bị nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh:** Tiếp tục kêu gọi hợp tác đầu tư kho, bãi, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, máy móc phương tiện thiết bị theo quy hoạch tổng thể đang đầu tư dở dang tại Bến Cảng Cái Cui; hợp tác đầu tư mở rộng phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui nằm trong phần diện tích quy hoạch Trung tâm logistics cấp II 242,4ha của Thành phố Cần Thơ để mở rộng sản xuất kinh doanh. Tham gia đấu giá thuê phần diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi.

- **Phát triển sản xuất kinh doanh theo định hướng hiệu quả và bền vững:** Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tập trung vào nhóm hàng chủ lực như thiết bị, container, phân bón, than đá, sắt thép, gạo xuất khẩu,...đây là những mặt hàng mà Công ty đang cung cấp các chất lượng dịch vụ tốt đối với khách hàng.

- **Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát nợ xấu; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:** Tăng cường các giải pháp quản lý tài chính; chi phí. Giảm tình trạng nợ xấu, khó đòi, chiếm dụng vốn. Quản lý các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả, tối ưu, tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

- **Nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động:** nhằm đảm bảo đời sống thu nhập của người lao động, tạo nguồn lực ổn định để phát triển cho Công ty trong tương lai.

2. Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2020-2025

Hàng năm, Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo phù hợp với năng lực và định hướng kinh doanh từng năm. Định hướng một số chỉ tiêu tài chính cơ bản giai đoạn 2020-2025 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch
01	Sản lượng	Tăng 3-5%/năm
02	Doanh thu	Tăng 5-7%/năm
03	Lợi nhuận	Tăng 3-4%/năm
04	Cắt giảm chi phí	Giảm 2-3%/năm chi phí trên một đồng doanh thu so với năm liền kề

Trên đây là nội dung báo cáo Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và định hướng hoạt động 2020-2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Cảng Cần Thơ xem xét, thông qua.

Xin kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Cảng Cần Thơ thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ)

Lâm Tiến Dũng

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Quy chế tài chính và chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát,

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xin báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát, nội dung giám sát và kết quả giám sát trong năm 2019 tới Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

I. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát :

1. Thành viên Ban Kiểm soát:

- Ông Nguyễn Hồng Hải Trưởng ban
- Ông Trịnh Thanh Tùng Thành viên
- Ông Nguyễn Văn Hiền Thành viên

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 26/4/2019, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cảng Cần Thơ, các quy chế nội bộ và Quy chế tổ chức & hoạt động của Ban Kiểm soát sửa đổi ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 31/8/2018 và Bản phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát đã triển khai, thực hiện và xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 những nội dung chính như sau:

- Soát xét báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng đầu năm 2019, thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua năm 2019; Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ

chức và hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị; Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và việc tuân thủ quy chế, quy định của Công ty.

- Giám sát công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2019.

- Qua hoạt động giám sát trao đổi, có ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Trưởng các Phòng tham mưu, các đơn vị trực thuộc nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

- Họp định kỳ và tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị khi được mời.

- Thực hiện một số việc khác theo quy định.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Mức thù lao của Ban Kiểm soát của năm 2019 như sau:

- Trưởng Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát: 1.500.000 đồng/tháng

II. Kết quả giám sát:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 2019:

Các chỉ tiêu chủ yếu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao năm 2019 và thực hiện như sau:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/ Kế hoạch
1	Hàng thông qua	<i>TTQ</i>	2.076.354	2.011.706	96,89%
	Trong đó Container	<i>TEUS</i>	15.150	16.770	110,69%
2	Tổng doanh thu	<i>Tr đồng</i>	119.000	125.023	105,06%
	Trong đó:				
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	“”		113.790	
	Giám trừ doanh thu	“”		0	

	Doanh thu hoạt động tài chính	“”		2.241	
	Thu khác	“”		8.992	
3	Tổng chi phí	<i>Tr đồng</i>	<i>114.000</i>	121.076	106,21%
4	Lợi nhuận	<i>Tr đồng</i>	<i>5.000</i>	3.947	78,94%

2. Phân tích, đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch:

- Kế hoạch năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua: Sản lượng 2.076.354 tấn, doanh thu 119.000 triệu đồng và lợi nhuận trước thuế 5.000 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện năm 2019: Sản lượng thực hiện là 2.011.706 tấn đạt 96,89%, tổng doanh thu đạt 125.023 triệu đồng vượt 5,06% so với kế hoạch (trong đó: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 113.790 triệu đồng, doanh thu hoạt động tài chính 2.241 triệu đồng, thu nhập khác 8.992 triệu đồng (Doanh thu thực hiện năm 2019 tăng 26,32% so với năm 2018) và lợi nhuận thực hiện 3.947 triệu đồng.

3. Yếu tố ảnh hưởng kết quả kinh doanh:

- Các Khu công nghiệp xung quanh cảng như KCN Hưng Phú, KCN Sông Hậu vẫn triển khai chậm; KCN Trà Nóc vị trí xa cảng hơn so với Cảng Trà Nóc dẫn đến việc thu hút nguồn hàng về cảng còn hạn chế.

- Các mặt hàng xuất khẩu tiêu ngạch sang Trung Quốc được duy trì nhưng sản lượng thấp.

- Luồng hàng hải vào cảng vẫn chưa thông thoáng cho tàu tải trọng lớn ra vào sông Hậu để xuất nhập hàng hóa.

- Tình trạng cạnh tranh của các bến thủy nội địa, các cảng trong khu vực ngày càng gay gắt dẫn đến việc chia sẻ nguồn hàng với cảng.

- Hệ thống kho tại cảng đã được khai thác triệt để với hiệu suất cao, bên cạnh đó quỹ đất được quy hoạch xây dựng kho cơ bản đã hết; hệ thống bãi chưa được đầu tư còn lớn trong khi năng lực đầu tư còn hạn chế.

- Mặc dù đã được đầu tư những phương tiện thiết bị sử dụng năng lượng điện để giảm giá thành, tuy nhiên cảng vẫn còn nhiều phương tiện thiết lạc hậu thiếu cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực và thường xuyên hư hỏng thiếu phương tiện thiết bị hoạt động dẫn đến phải thuê ngoài để đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh vì vậy hiệu quả kinh tế mang lại không cao.

4. Tình hình tài sản, nguồn vốn:

4.1- Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	Tỉ lệ %
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	Tr.đồng	69.280	60.670	114%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr.đồng	15.587	9.131	171%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	8.787	8.787	100%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr.đồng	42.365	36.811	115%
IV. Hàng tồn kho	Tr.đồng	1.071	720	149%
V. Tài sản ngắn hạn khác	Tr.đồng	1.471	5.220	28%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	Tr.đồng	304.305	319.950	95%
I. Các khoản phải thu dài hạn	Tr.đồng	120	120	100%
II. Tài sản cố định	Tr.đồng	222.964	237.752	94%
III. Bất động sản đầu tư	Tr.đồng	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	Tr.đồng	73.319	74.586	98%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	Tr.đồng	4.497	4.497	100%
VI. Tài sản dài hạn khác	Tr.đồng	3.405	2.995	114%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Tr.đồng	373.585	380.620	98%

Cơ cấu tài sản của Cảng Cần Thơ cuối năm 2019: Tài sản ngắn hạn tăng 14% và tài sản dài hạn giảm 5%, tổng tài sản cuối năm giảm 2% so với đầu năm 2019.

4.2. Tình hình nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	Tỉ lệ %
I. Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	16.275	51.593	32%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tr.đồng	1.024	4.391	23%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Tr.đồng	90	10	877%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tr.đồng	864	967	89%
Phải trả người lao động	Tr.đồng	1.710	1.709	100%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	Tỉ lệ %
Chi phí phải trả ngắn hạn	Tr.đồng	4.245	1.964	216%
Phải trả ngắn hạn khác	Tr.đồng	7.947	37.049	21%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	221	5.496	4%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	8	8	100%
II. Nợ dài hạn	Tr.đồng	96.670	72.334	134%
Phải trả dài hạn khác	Tr.đồng	21.453	21.192	101%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tr.đồng	75.217	51.142	147%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	Tr.đồng	260.640	256.693	102%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Tr.đồng	373.585	380.620	98%

4.3. Một số chỉ số tài chính cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,18	4,26
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,16	4,19
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	32,56	30,07
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	48,28	43,33
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,25	0,30
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	3,47
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	1,51
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	1,05
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-

- Khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,18 lần lên 4,26 lần; hệ số thanh toán nhanh từ 1,16 lần lên 4,19 lần do trong năm 2019, sau khi xử lý khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương chỉ tiêu nợ phải

trả giảm so với đầu năm 2019. Chỉ số thanh toán ngắn hạn ở mức hợp lý đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty..

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm đều thay đổi so với đầu năm 2019. Tuy nhiên mức thay đổi này không nhiều, Hệ số nợ/Tổng tài sản giảm từ 32,56% xuống còn 30,07% và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 48,28% xuống còn 43,33%.

4.4 Tình hình quản lý công nợ:

- Công ty ghi nhận các khoản nợ phải thu theo nguyên tắc thận trọng và chi tiết phát sinh và theo phân loại nợ. Khoản nợ phải thu khách hàng đầu năm 2018 là 27,01 tỷ đồng, số nợ phải thu khách hàng đến 31/12/2019 là 29,12 tỷ đồng tăng hơn 2 tỷ đồng mặc dù doanh thu năm 2019 đạt 113,790 tỷ đồng tăng 16,9 tỷ đồng (doanh thu năm 2018 đạt 96,803 tỷ đồng).

- Trong năm 2019, công ty đã tích cực thực hiện nhiều biện pháp quản lý và đơn đốc thu hồi nợ khách hàng, tham gia tố tụng tại tòa án thu hồi nợ dứt điểm 03 khách hàng thu hồi dứt điểm số nợ 1.336.000.000 đồng, gồm Công ty Cổ phần Vận tải liên Hiệp Huy Hoàng: 1.072.000.000 đồng; Công ty Cổ phần Vận tải thương mại Dịch vụ Hoa Lư: 114.401.692 đồng; Công Ty TNHH Xây Dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn: 150.000.000 đồng.

Đầu năm 2019 công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ khó đòi hơn 6,1 tỷ đồng, hồi tố khoản trích lập dự phòng cho năm tài chính 2018. Tuy nhiên, vẫn còn một số khách hàng có nợ khó đòi công ty vẫn chưa thu hồi được dẫn đến tình trạng nợ quá hạn kéo dài. Với tình hình công nợ hiện tại, công ty cần tăng cường công tác thu hồi nợ, xem xét điều chỉnh điều khoản thanh toán tại hợp đồng đối với khách hàng cho phù hợp để tăng dòng tiền cho Công ty và hạn chế tối đa công nợ phải thu quá hạn.

5. Tiền lương và thu nhập:

TT	Nội dung	Số lượng b/q	Kế hoạch năm 2019 (đồng)	Thực hiện năm 2019 (đồng)
I	Thù lao, tiền lương năm 2019			
1	Tiền lương chuyên trách Hội đồng quản trị năm 2019	3	840.000.000	840.000000
2	Thù lao của TV Hội đồng quản trị	1	24.000.000	24.000.000
3	Thù lao Ban Kiểm soát	3	60.000.000	60.000.000
4	Tiền của người quản lý	4	1.008.000.000	1.008.000.000
5	Tiền lương của người lao động.	172	15.100.000.000	15.185.000.000
	Cộng		17.032.000000	17.117.000.000

II	Lao động			
1	Lao động đầu kỳ			172
2	Lao động có mặt tại 31/12/2019			176
3	Lao động bình quân			176
4	Thu nhập bình quân		7.885.000	8.252.000

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị:

- Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua tổng mức đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị với tổng giá trị 15,9 tỷ đồng tỷ gồm: Đầu tư xây dựng cơ bản: 5,5 tỷ đồng, Đầu tư phương tiện thiết bị 0,1 tỷ đồng và Dự án năm 2018 chuyển tiếp sang năm 2019 là 10,3 tỷ đồng.

- Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2019: Tổng mức đầu tư thực hiện đạt 9,4 tỷ đồng gồm:

+ Mua 01 cần cẩu có sức nâng 60-90 tấn; Xây dựng nhà vệ sinh công nhân và khách hàng; Mua 01 máy bơm cứu hỏa PCCC; Đang triển khai các hạng mục: đóng mới sàn lan mặt bằng 400-600 tấn, đầu tư hệ thống PCCC cầu tàu số 1, 2 và thẩm định hệ thống PCCC các kho, mua 02 băng tải.

+ Liên kết hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam xây dựng 01 kho hàng có diện tích 3.007 m² tại Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu.

- Công tác đầu tư của Cảng chưa đạt theo như kế hoạch đề ra do trong năm 2019 Công ty vẫn còn bị xếp vào nhóm nợ xấu, Cảng Cần Thơ chưa thể tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng nên việc đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị để phát triển sản xuất kinh doanh còn nhiều hạn chế. Đến ngày 31/12/2019 Cảng Cần Thơ đã hoàn thành công tác tái cơ cấu nợ với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương, đây là cơ sở để Cảng Cần Thơ có thể tiếp cận nhiều nguồn vốn cho hoạt động phát triển nguồn lực tài chính những năm tiếp theo.

- Trình tự thủ tục đối với công tác đầu tư mua sắm trang thiết, Công ty triển khai lựa chọn nhà cung cấp phù hợp với quy định nội bộ của doanh nghiệp.

III. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019:

1. Công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

2. Thẩm định Báo cáo tài chính.

Năm 2019, Cảng Cần Thơ đã hoàn thành công tác tái cơ cấu nợ với Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương và được miễn giảm 50% nợ lãi vay.

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán từ 01/01/2019 đến 31/12/2019, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp. Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần số liệu báo cáo.

IV. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc:

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp đột xuất. Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tiến hành tổ chức 17 cuộc họp, ban hành 23 Nghị quyết và 23 Quyết định để Ban Tổng giám đốc có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Về trình tự, thủ tục thực hiện theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung các cuộc họp và các vấn đề được trao đổi, thảo luận, có sự thống nhất cao của các thành viên Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý theo Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các phiên họp của Hội đồng quản trị: Công tác tổ chức cuộc họp định kỳ hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng hình thức lấy phiếu ý kiến bằng văn bản phù hợp với Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Biên bản các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết/Quyết định kịp thời phù hợp với quyền, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư hàng năm của Công ty và ban hành các quy chế quản lý nội bộ theo thẩm quyền.

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Tổng doanh thu công ty vượt kế hoạch, tuy nhiên lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua. Ban Kiểm soát thống nhất với các số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 theo báo cáo của Tổng giám đốc và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

2.2 Về công tác quản lý điều hành:

- Công tác tổ chức: Năm 2019, Cảng Cần Thơ đã thực hiện sắp xếp lại bộ máy tổ chức, giải thể Chi nhánh Cảng Cái Cui sáp nhập vào văn phòng chính Cảng Cần Thơ đồng thời tách phòng Tổng hợp thành 03 phòng chức năng gồm: Phòng Tổ chức nhân sự, Phòng Kỹ thuật, Phòng Kinh doanh khai thác; Hoàn thành công tác

thay đổi tên người đại diện góp vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn từ ông Phan Thành Tiến sang ông Nguyễn Văn Phương.

- Công tác tài chính kế toán: Số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019, đồng thời phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan hiện hành.

- Việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Trong năm 2019, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tuy nhiên Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức triển khai các Nghị quyết quyết định của Hội đồng quản trị kịp thời,, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động: Các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện phù hợp với Luật lao động và Thỏa ước Lao Động Tập thể, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Các hoạt động đoàn thể được quan tâm sâu sát đã phát huy được vai trò động viên, khuyến khích tinh thần làm việc của cán bộ công nhân viên.

V. Công tác phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

Ngoài thực hiện vai trò, nhiệm vụ và trách nhiệm theo Điều lệ và quy định quản lý nội bộ của Công ty, quá trình hoạt động và thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn có sự trao đổi phối hợp theo quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Quá trình hoạt động được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

VI. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020:

- Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020.

- Đánh giá tính hợp lý, phù hợp các quy định quản lý nội bộ của doanh nghiệp, kiến nghị sửa đổi hoàn chỉnh quy định quản lý nội bộ.

- Giám sát việc ký kết và thực hiện các giao dịch, ký kết hợp đồng, công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp và quy định của pháp luật.

- Tiếp tục phối hợp với Hội đồng quản trị trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc, chi nhánh và các Phòng ban trong công ty.

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề có liên quan; Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng giám đốc Công ty; Phối hợp với Kiểm toán độc lập để xem xét để xem xét các ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán độc lập.

- Giám sát việc công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Ban Kiểm soát rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xem xét thông qua.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT, BKS, T.ký Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hồng Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán;

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kính trình Hội đồng quản trị thông qua nội dung bản Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán ban hành ngày 26/3/2020.

(Đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- - Lưu: VT, IT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ)

Lâm Tiến Dũng

TỜ TRÌNH

**Về phương án phân phối lợi nhuận năm và trích lập các quỹ năm 2019;
Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2013/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán,

Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kính trình Hội đồng quản trị phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau:

1.- Phương án phân phối lợi nhuận:

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế		3.946.991.805
2	Thuế TNDN (20%)		0
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)		3.946.991.805
4	Lợi nhuận phân phối như sau		
4.1	Trích lập quỹ đầu tư phát triển		0
4.2	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi		0
4.3	Chia cổ tức năm 2019 (đề nghị không chia cổ tức		0

Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các giai đoạn trước lợi nhuận lỗ, căn cứ theo Điều 7 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Thông tư 78/2014/TT-BTC thì Công ty cổ phần

Cảng Cần Thơ được phép chuyển lỗ sang các năm tiếp theo. Vì vậy phần lợi nhuận năm 2019 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 và được sử dụng để bù lỗ các năm trước.

2.- Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020

- Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời gian chi trả: Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ)

Lâm Tiến Dũng

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2020

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2020 của công ty;

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kính trình Hội đồng quản trị thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị-Ban kiểm soát và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành và của người lao động năm 2020 như sau:

1.- Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

1.1- Tiền lương của Hội đồng quản trị năm 2020 : 864.000.000 đồng

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 Thành viên) : 28.000.000 đồng-ng/tháng
- Thành viên HĐQT chuyên trách (02 Thành viên) : 24.000.000 đồng-ng/tháng

(Trong đó tiền lương của Hội đồng quản trị bao gồm tiền lương 10 tháng của thành viên HĐQT chuyên trách Phan Công Đức nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ tháng 11/2020)

1.2- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 : 84.000.000 đồng

Trong đó:

- Thành viên HĐQT không chuyên trách (01 Thành viên) : 2.000.000 đồng-ng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát (01 Thành viên) : 2.000.000 đồng-ng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát (02 Thành viên) : 1.500.000 đồng-ng/tháng

2.- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2020 : 1.104.000.000 đồng

Trong đó:

- Tổng giám đốc (01 Thành viên) : 26.000.000 đồng-ng/tháng
- Phó Tổng giám đốc (02 Thành viên) : 22.000.000 đồng-ng/tháng

- Kế toán trưởng (01 Thành viên) : 22.000.000 đồng-ng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, IT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ)

LÂM TIẾN DŨNG

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

1.- Tiêu thức lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập:

- Là doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán năm 2020.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp.

2.- Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét và biểu quyết thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán trên và uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 3 đơn vị kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Ban Kiểm soát phối hợp với Công ty trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: Ban KS, T.ký Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Hồng Hải

Số: 10/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc xin ý kiến chỉ đạo để biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Công ty cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ với các điều khoản như kèm theo.

Trân trọng!

(Tài liệu kèm theo: Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(ĐÃ KÝ)

Lâm Tiên Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cần Thơ, tháng 6 năm 2020

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các quyết định khác do Công ty ban hành nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty. Điều lệ này được thông qua bởi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 26 tháng 6 năm 2020 (sau đây được gọi là “Điều lệ”). Điều lệ này thay thế: (i) Điều lệ được thông qua bởi các Cổ Đông tại Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty tổ chức vào ngày 25 tháng 3 năm 2015, (ii) Điều lệ được thông qua bởi các Cổ Đông tại Đại hội đồng Cổ Đông được tổ chức vào ngày 22 tháng 4 năm 2016, (iii) Điều lệ được thông qua bởi các Cổ Đông tại Đại hội đồng Cổ Đông được tổ chức vào ngày 28 tháng 4 năm 2017 và (iv) Điều lệ được thông qua bởi các Cổ Đông tại Đại hội đồng Cổ Đông được tổ chức vào ngày 22 tháng 6 năm 2018.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**
- Tên tiếng Anh : **CANTHO PORT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **CẢNG CẦN THƠ**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **CANTHO PORT**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ : Số 02, khu vực Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại : 02926 516 483
- Fax : 02923 917 395
- E-mail : canthoport.info@gmail.com
- Website : www.canthoport.com.vn

4. Logo của Công ty:



5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty chỉ có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển	5224 (chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác. (Hoạt động phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật).	5210
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.	5222
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan.	5229
5	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
6	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng	4291
7	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
8	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
10	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

TT	Tên ngành	Mã ngành
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
12	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Hoạt động phải đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7830
15	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
16	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
19	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
20	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
21	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
22	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
23	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, đầu tư xây dựng và các quy định khác của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a. Trở thành nhà khai thác cảng chuyên nghiệp hàng đầu tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và trong cả nước;
- b. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;
- c. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ và cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 275.281.180.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm tỷ hai trăm tám mươi một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 27.528.118 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Sổ đăng ký cổ đông:

a. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

b. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp.

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 38 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty

có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và

tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ (5%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách là thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - m. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - n. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - o. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - q. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g. Các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

h. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

j. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

k. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l. Để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương.

m. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường họp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định

cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f. Tuyển dụng lao động;

g. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng quản trị;

i. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác;

j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

k. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

l. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

m. Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị;

n. Vào 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

o. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài

chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

p. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; không được đem tài sản của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là Tổng giám đốc và trong thời hạn ba (03) năm sau khi thôi làm Tổng giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị đương nhiệm chấp thuận.

q. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

s. Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chỉ được ký kết hợp đồng nhân danh Công ty sau khi có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc

1. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

2. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là năm năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Tổng giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.

5. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể kiến nghị Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 37. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị khi cần thiết có thể chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.

2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị Công ty.

4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

6. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 39. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này

Điều 40. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt

động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Điều 53. Đơn vị trực thuộc, công ty con và công ty liên kết của Công ty

1. Công ty có thể có các đơn vị trực thuộc, các công ty con và công ty liên kết;
2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 54. Quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc

1. Công ty có các đơn vị trực thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các đơn vị trực thuộc khác; được tổ chức, quản lý theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

2. Các đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Các đơn vị trực thuộc được ký kết các hợp đồng thương mại, thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính, tổ chức quản lý nhân sự và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ, quy chế của Công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị trực thuộc.

3. Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.

5. Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của Công ty. Địa điểm kinh doanh của Công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng phải nằm trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở

chính. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Quan hệ giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết

1. Quan hệ với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con):

Công ty là chủ sở hữu công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị thay mặt Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con theo thẩm quyền của mình hoặc theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ được quy định tại Điều lệ của công ty con.

2. Quan hệ với công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó:

Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó;

Công ty quản lý cổ phần, phần vốn góp thông qua một (hoặc nhiều) người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty đó.

3. Quan hệ với công ty liên kết và doanh nghiệp có vốn góp khác:

Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp đó.

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp này theo quy định tại Điều lệ này và điều lệ của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty.

4. Mọi quan hệ giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với Điều lệ này, điều lệ các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp, Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XVIII

CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương 62 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ biểu quyết thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thông qua ngày 22/6/2018.

3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY